

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGÔ THỊ THU HÀ

CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG (1986 - 2016)

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

THÁI NGUYÊN - 2018

**ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

NGÔ THỊ THU HÀ

CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG (1986 - 2016)

Ngành: Lịch sử Việt Nam

Mã ngành: 8.22.90.13

LUẬN VĂN THẠC SĨ LỊCH SỬ

Người hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Xuân Minh

THÁI NGUYÊN - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi, các số liệu, kết quả nghiên cứu trong luận văn là trung thực.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

Ngô Thị Thu Hà

LỜI CẢM ƠN

Trong quá trình thực hiện đề tài, tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình và sự đóng góp quý báu của nhiều cá nhân và tập thể đã tạo điều kiện thuận lợi để tôi hoàn thành luận văn.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn tới TS. Nguyễn Xuân Minh đã trực tiếp hướng dẫn, nhiệt tình giúp đỡ trong toàn bộ quá trình thực hiện đề tài.

Tôi xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Lịch sử, Phòng Sau đại học của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên đã nhiệt tình giảng dạy, giúp đỡ tôi hoàn thành khóa học.

Đồng thời, tôi xin cảm ơn Sở Giáo dục và Đào tạo Thái Nguyên, Trường Trung học phổ thông Sông Công đã tạo điều kiện thuận lợi cho tôi trong quá trình học tập.

Về phía Công ty Diesel Sông Công, tôi xin chân thành cảm ơn ông Ngô Văn Tuyên, nguyên Giám đốc Công ty; ông Nguyễn Văn Đường, Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty; ông Hoàng Văn Minh, Phó Giám đốc Công ty cùng các ông bà trong Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các Phòng Ban chuyên môn nghiệp vụ đã tận tình giúp đỡ tôi trong việc thu thập tài liệu, dữ liệu, số liệu hoạt động của Công ty qua các thời kỳ từ khi thành lập năm 1980 đến nay, đồng thời đã có những đóng góp quý báu trong suốt quá trình thực hiện luận văn của tôi.

Cám ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã khuyến khích động viên trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Thái Nguyên, tháng 4 năm 2018

Tác giả luận văn

Ngô Thị Thu Hà

MỤC LỤC

Lời cam đoan	i
Lời cảm ơn.....	ii
Mục lục	iii
Danh mục các chữ viết tắt	iv
Danh mục các bảng.....	v
Danh mục các hình và sơ đồ.....	vi
MỞ ĐẦU	1
1. Lí do chọn đề tài	1
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề.....	2
3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài.....	4
4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu	5
5. Đóng góp của Luận văn.....	5
6. Bố cục của Luận văn	6
Chương 1: QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG TRƯỚC NĂM 1986	7
1.1. Khái quát về thành phố Sông Công và sự ra đời Nhà máy Diesel Sông Công.....	7
1.1.1. Khái quát về thành phố Sông Công.....	7
1.1.2. Quá trình thành lập Nhà máy Diesel Sông Công	9
1.2. Bộ máy tổ chức và hoạt động của Nhà máy Diesel Sông Công.....	13
1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lí.....	14
1.2.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh	16
Tiểu kết chương 1	20
Chương 2: CÔNG TY DESEL SÔNG CÔNG THỜI KÌ 1986 - 2016	22
2.1. Giai đoạn đổi mới mô hình (1986 - 1990).....	22
2.1.1. Bối cảnh lịch sử	22
2.1.2. Hoạt động của Nhà máy Diesel Sông Công.....	27
2.2. Giai đoạn đổi mới, đa dạng về sản phẩm (1991 - 2000)	30

2.2.1. Bối cảnh lịch sử	30
2.2.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhà máy Diesel Sông Công.....	32
2.3. Giai đoạn tìm hướng đi mới về sản phẩm (2001 - 2005)	38
2.3.1. Bối cảnh lịch sử	38
2.3.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH nhà nước một thành viên Diesel Sông Công	39
2.4. Giai đoạn phát triển mạnh mẽ, đạt tới đỉnh cao (2006 - 2016)	42
2.4.1. Bối cảnh lịch sử.....	43
2.4.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	43
2.5. Vai trò của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.....	54
2.5.1. Vai trò của tổ chức Đảng.....	54
2.5.2. Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội	55
Tiểu kết chương 2	58
Chương 3: VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG..	59
3.1. Đối với sự phát triển kinh tế của đất nước	59
3.2. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.....	64
Tiểu kết chương 3	67
KẾT LUẬN.....	69
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	73
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

XHCN	: Xã hội chủ nghĩa
DISOCO	: Công ty Diesel Sông Công
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
MTV	: Một thành viên
VEAM	: Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam
HTQLCL, NL & MT	: Hệ thống quản lí chất lượng, năng lượng & môi trường

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Số lao động phân theo các xưởng sản xuất chính	16
Bảng 1.2. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1981 - 1985	18
Bảng 2.1. Thiết bị lắp đặt tại Nhà máy giai đoạn 1986 - 1990	27
Bảng 2.2. Nhu cầu vật tư cho 01 động cơ D50L.....	28
Bảng 2.3. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1986 - 1990	29
Bảng 2.4. Lao động thực tế của Nhà máy giai đoạn 1986 - 1990	30
Bảng 2.5. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1991 - 1995	33
Bảng 2.6. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 1991 - 1995	34
Bảng 2.7. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1996 - 2000	35
Bảng 2.8. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 1996 - 2000	37
Bảng 2.9. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 2001 - 2005	40
Bảng 2.10. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 2001 - 2005	41
Bảng 2.11. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 2006 - 2010	49
Bảng 2.12. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 2006 - 2010	50
Bảng 2.13. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 2011 - 2016	53
Bảng 2.14. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 2011 - 2016	54

DANH MỤC CÁC HÌNH VÀ SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức Nhà máy Diesel Sông Công 25/4/1980	15
Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty Diesel Sông Công 2016.....	43
Sơ đồ 2.2. Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO9001:2015	47
Sơ đồ 2.3. Mô hình Hệ thống quản lý môi trường theo ISO14001:2015.....	48
Sơ đồ 2.4. Mô hình Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO50001:2011	48

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Thái Nguyên là một trong những trung tâm công nghiệp nặng của cả nước từ những năm 60 của thế kỉ trước. Đến nay, hoạt động sản xuất công nghiệp nói chung và cơ khí nói riêng vẫn luôn có nhiều khó khăn thách thức, nhưng vẫn có luôn có những điểm sáng trở thành niềm tự hào của ngành công nghiệp và cơ khí Việt Nam. Công ty TNHH một thành viên Diesel Sông Công (DISOCO) hiện nay là một cơ sở sản xuất công nghiệp cơ khí đã có gần 40 năm hoạt động, đã trải qua quá trình tạo dựng, giữ gìn và phát triển thương hiệu với uy tín không chỉ trong nước mà còn vươn ra thị trường quốc tế.

Trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, sản xuất cơ khí đóng một vai trò quan trọng làm thay đổi căn bản phương thức sản xuất theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa. Tất cả các sản phẩm máy móc thiết bị phục vụ cho nền kinh tế quốc dân đều hình thành từ các chi tiết cơ khí. Là một đơn vị sản xuất kinh doanh truyền thống trong ngành cơ khí, DISOCO đã trải qua các quá trình liên tục đổi mới về công nghệ, kĩ thuật, quản lí, thay đổi sản phẩm đã thích ứng linh hoạt và thành công từ mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường.

Nhiệm vụ chính của DISOCO theo thiết kế ban đầu là chuyên sản xuất động cơ diesel 50÷55 mã lực phục vụ cơ giới hóa nông nghiệp và các ngành kinh tế khác. Đồng thời khi cần, Nhà máy sẽ thực hiện việc hỗ trợ sản xuất cho các sản phẩm cơ khí phục vụ lĩnh vực an ninh quốc phòng của đất nước. Trong bối cảnh của nền kinh tế thời quản lí kinh tế tập trung, Công ty đã vượt qua muôn vàn khó khăn để hoàn thành giai đoạn lắp đặt, vận hành, sau đó thực hiện sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Từ khi thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, xác định kinh tế thị trường định hướng XHCN là mô hình đúng đắn trong phát triển kinh tế của thời kì quá độ tiến lên CNXH, DISOCO đã nhanh chóng khẳng định được vị thế của một đơn vị cơ khí năng động và phát huy được vai trò của một cơ sở vật chất quan trọng được Nhà nước quan tâm đầu tư.

Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đi đầu trong việc áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến như Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn IS9001, quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001, quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO50000, quản lý chất lượng đặc trưng của ngành ô tô theo tiêu chuẩn IATF16949 cùng với các hoạt động Kaizen, 5S,... đã tạo cho Công ty có một vị thế vững chắc trong môi trường cạnh tranh và đảm bảo sự phát triển không ngừng.

Là một trong những nhà máy đầu tiên được xây dựng vào những năm 70 của thế kỉ trước tại Khu Công nghiệp Gò Đầm - Sông Công, DISOCO đã có nhiều đóng góp to lớn cho ngành cơ khí của đất nước. Trong suốt quá trình xây dựng và hoạt động, Công ty luôn được sự quan tâm đặc biệt, tạo điều kiện đặc biệt của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Với những kết quả đạt được từ khi thành lập năm 1980 đến nay, DISOCO đã được các cấp, các ngành tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen về các thành tích hoạt động trên mọi mặt; được Nhà nước trao tặng các *Huân chương Lao động hạng Ba, hạng Nhì, hạng Nhất*.

Là một giáo viên giảng dạy bộ môn Lịch sử ở Trường Trung học phổ thông Sông Công, tôi mong muốn được tìm hiểu về lịch sử hình thành và hoạt động của Công ty Diesel Sông Công. Qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những thành tựu và hạn chế của Công ty, góp phần làm rõ vị thế của Công ty trong thời kì hội nhập.

Xuất phát từ những lí do trên, tôi đã chọn đề tài ***Công ty Diesel Sông Công trong thời kì đổi mới (1986 - 2016)*** làm Luận văn Thạc sĩ sử học.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Công trình được khởi công xây dựng từ tháng 2/1976 với sự giúp đỡ của Liên Xô (cũ) và đến ngày 25/4/1980, Nhà máy Điêden Sông Công được thành lập theo Quyết định số 118/CL-CB của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim (Cách viết “ĐIÊDEN” trong tên gọi là theo Bản sao quyết định ngày 02/05/1980 kèm theo trong phần Phụ lục. Tuy nhiên, tên trong con dấu lại sử dụng cách viết khác “DIEZEN” cho đến tháng 5/1993. Đến ngày 22/5/1993, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng có Quyết định số 286/QĐ/TCNSĐT thành lập

lại Nhà máy, khi đó cách viết “DIESEL” được sử dụng. Vì vậy, trong luận văn sau đây thống nhất viết “DIESEL” trong tên gọi ở mọi thời kì).

Năm 1987, Nhà máy hoàn thành cơ bản việc xây dựng trên địa phận phường Lương Châu, thị xã Sông Công, tỉnh Bắc Thái (thuộc tỉnh Thái Nguyên hiện nay) và bắt đầu đi vào sản xuất từng công đoạn. Ngày 12/5/1990, Nhà máy là thành viên Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp. Ngày 22/5/1993, Nhà máy được thành lập lại theo quyết định của Bộ Công nghiệp nặng và đến ngày 20/02/1995, đổi tên thành Công ty Diesel Sông Công.

Trong gần 40 năm tồn tại và phát triển, Công ty Diesel Sông Công đã được đề cập trong một số tờ báo và đề tài khoa học của một số nhà nghiên cứu.

Ngày 22/11/2011, trên báo *Công Luận* có bài “*DISOCO - thương hiệu mạnh của công nghiệp hỗ trợ Việt Nam*” của tác giả Kim Thanh đề cập đến những thành tựu Công ty đã đạt được và phân tích những khó khăn Công ty phải đương đầu trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước [6].

Năm 2013, Đào Thị Tuyết Nhung đã bảo vệ thành công Luận văn Thạc sĩ với đề tài “*Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại Công ty Diesel Sông Công*” thuộc chuyên ngành Quản trị kinh doanh, tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội. Trong Luận văn, tác giả phân tích thực trạng công tác quản trị nhân lực tại DISOCO, có đề cập đến một số vấn đề về cơ cấu tổ chức và đặc điểm lao động của Công ty trong giai đoạn hiện nay; đặc điểm sản phẩm và công nghệ của Công ty; về những ưu điểm và hạn chế trong công tác quản trị nhân lực tại Công ty. Qua đó, tác giả công trình cũng nêu ra một số giải pháp để hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại Công ty trong giai đoạn hiện nay [54].

Năm 2014, Trần Thị Trang - Học viên Cao học Trường Đại học Kinh tế - Quản trị kinh doanh, Đại học Thái Nguyên, bảo vệ thành công đề tài Luận văn Thạc sĩ Kinh tế “*Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công*”. Tác giả Luận văn nêu rõ chức năng, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh; đặc điểm hoạt động kinh doanh, cơ cấu tổ chức và thực trạng hiệu quả kinh doanh của Công ty từ năm 2010 đến năm 2013. Trên cơ sở đó, tác giả Luận văn đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công [64].

Tháng 4/2015, Huyền Trang - Phóng viên Đài Truyền hình Sông Công có bài viết “*Công ty TNHH Nhà nước MTV Diesel Sông Công đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất*”. Trong bài báo, tác giả trình bày khái quát quá trình vượt khó đi lên của Công ty Diesel Sông Công và doanh thu của Công ty từ năm 2009 đến nay.

Như vậy, cho tới nay vẫn chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu, tìm hiểu về Công ty Diesel Sông Công trong thời kì đổi mới (giai đoạn 1986 - 2016). Tuy nhiên, những công trình đã được công bố là nguồn tài liệu quý báu giúp tôi hoàn thành Luận văn này.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu và nhiệm vụ của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu về Công ty Diesel Sông Công trong thời kì đổi mới từ năm 1986 đến năm 2016.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- *Phạm vi nội dung*: Luận văn nghiên cứu quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Công ty Diesel Sông Công; những chuyển biến trong sản xuất, kinh doanh và đời sống người lao động khi thực hiện đường lối đổi mới.

- *Phạm vi không gian*: Công ty Diesel Sông Công nằm trên địa bàn phường Lương Châu thuộc thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

- *Phạm vi thời gian*: Luận văn tập trung nghiên cứu Công ty Diesel Sông Công từ năm 1986, khi Đảng ta đề ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước đến năm 2016. Tuy nhiên, để làm rõ nội dung cơ bản của đề tài, Luận văn trình bày khái quát tình hình Công ty Diesel Sông Công trước khi thực hiện đường lối đổi mới (1986).

3.3. Nhiệm vụ đề tài

- Khái quát về Công ty Diesel Sông Công trước đổi mới: Quá trình hình thành, bộ máy tổ chức và hoạt động.

- Nghiên cứu bộ máy tổ chức, phương thức quản lí và hoạt động của Công ty trong những năm 1986 - 2016.

- Đánh giá vị trí - vai trò của Công ty Diesel Sông Công

4. Nguồn tài liệu và phương pháp nghiên cứu

4.1. Nguồn tài liệu

Thực hiện đề tài này, tác giả sử dụng các nguồn tài liệu thành văn sau đây:

- Các văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Thành ủy; của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Sông Công;

- Các văn kiện, nghị quyết, báo cáo của Bộ Công Thương, Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên;

- Các báo cáo tổng kết hằng năm, dữ liệu sản xuất - tiêu thụ, lao động - tiền lương, thiết bị, các hệ thống quản lý của Công ty Diesel Sông Công.

- Các công trình nghiên cứu đã được công bố liên quan đến đề tài Luận văn.

Ngoài tài liệu thành văn, tác giả Luận văn còn sử dụng các tài liệu điều tra thực địa.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện đề tài, tác giả Luận văn sử dụng phương pháp lịch sử kết hợp với phương pháp logic là chủ yếu. Bằng phương pháp lịch sử, tác giả trình bày một cách hệ thống quá trình ra đời, hoạt động của Công ty Diesel Sông Công trong gần 40 năm (1980 - 2016).

Dựa vào các nguồn tư liệu lịch sử có chọn lọc, trên cơ sở phân tích các sự kiện, tác giả rút ra bản chất, tính quy luật trong quá trình hoạt động của Công ty; nhận định, đánh giá vai trò của Công ty Diesel Sông Công đối với sự nghiệp xây dựng đất nước nói chung, địa phương nói riêng. Bên cạnh đó, các phương pháp thống kê, phân tích, so sánh... cũng được vận dụng.

5. Đóng góp của Luận văn

- Đây là công trình đầu tiên trình bày một cách có hệ thống quá trình hình thành, phát triển của Công ty Diesel Sông Công trong thời kì đổi mới (1986 - 2016).

- Luận văn đánh giá những thành tựu và hạn chế của Công ty trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Luận văn được dùng làm tài liệu giảng dạy lịch sử địa phương trong các trường học trên địa bàn thành phố Sông Công; đồng thời là tài liệu có tính chất hệ thống về truyền thống trong Công ty Diesel Sông Công.

6. Bộ cục của Luận văn

Ngoài phần *Mở đầu*, *Kết luận*, *Phụ lục* và danh mục *Tài liệu tham khảo*, Luận văn được cấu trúc thành 3 chương nội dung:

Chương 1: QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG TRƯỚC NĂM 1986

Chương 2: CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG TRONG NHỮNG NĂM 1986 - 2016

Chương 3: VỊ TRÍ - VAI TRÒ CỦA CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

Chương 1

QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG TRƯỚC NĂM 1986

1.1. Khái quát về thành phố Sông Công và sự ra đời Nhà máy Diesel Sông Công

1.1.1. Khái quát về thành phố Sông Công

Địa bàn thành phố Sông Công ngày nay nguyên là vùng đất các xã thuộc khu vực Bắc Phổ Yên, Tây Nam huyện Đồng Hỷ và Tây Bắc huyện Phú Bình. Trước thế kỉ XIX, vùng đất này còn hoang dã, rừng thiêng nước độc, có nhiều thú dữ, cư dân rất thưa thớt.

Những năm sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất, chính quyền thực dân cấp phép cho một số lính xuất ngũ được chiêu mộ nông dân ở các tỉnh miền xuôi lên khai hoang lập ấp. Theo đó, một số gia đình các tỉnh Hưng Yên, Thái Bình... lên làm ăn, sinh sống.

Vốn là nơi hoang vu, nên từ đầu năm 1941, thực dân Pháp chọn khu vực đồi gò ở thôn Bá Vân (nay thuộc xã Bình Sơn) để lập một trại giam, thường gọi là cǎng (camp) Bá Vân để giam giữ những người chúng cho là phản nghịch. Vào thời điểm tháng 8/1943, tổng số tù nhân bị thực dân Pháp giam giữ tại cǎng Bá Vân có 194 người; trong đó có những người đã mãn hạn tù, người có án và người chưa thành án. Ngoài số tù nhân là đảng viên cộng sản, còn có một số người thuộc các đảng phái khác, như Quốc dân đảng, Đại Việt... cũng bị địch bắt và đưa về giam giữ tại đây.

Từ sau ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ (19/12/1946), nhiều hộ gia đình ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ tản cư lên vùng đất này, được chính quyền và nhân dân địa phương giúp đỡ, nhanh chóng ổn định cuộc sống, tích cực tăng gia sản xuất, chi viện tiền tuyến. Sau ngày hòa bình được lập lại (21/7/1954), đồng bào không trở về quê cũ, mà ở lại sinh cơ lập nghiệp, coi đây là quê hương thứ hai của mình.

Vào đầu những năm 60 của thế kỉ XX, thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ, một bộ phận đồng bào các tỉnh: Thái Bình, Hải Dương, Hưng Yên

lên tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng quê hương mới... Dân số trong khu vực tăng dần lên.

Ngày 11/4/1985, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) ban hành Quyết định số 113-QĐ/HĐBT thành lập thị xã Sông Công, gồm có 3 phường: Mỏ Chè, Lương Châu, Thắng Lợi và 3 xã: Cải Đan, Tân Quang, Bá Xuyên. Ngày 10/4/1999, Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ra Nghị định số 18/NĐ-CP về việc điều chỉnh địa giới hành chính và thành lập các xã, phường thuộc thị xã Sông Công: thành lập phường Phố Cò trên cơ sở 465 ha diện tích tự nhiên và 4.898 nhân khẩu của xã Cải Đan; thành lập xã Vinh Sơn trên cơ sở 410 ha diện tích tự nhiên, 904 nhân khẩu của xã Bá Xuyên và 382 ha diện tích tự nhiên, 1.119 nhân khẩu của xã Cải Đan; thành lập phường Cải Đan trên cơ sở 533 ha diện tích tự nhiên và 1.336 nhân khẩu (phần còn lại) của xã Cải Đan; chuyển giao xã Bình Sơn thuộc huyện Phổ Yên về thị xã Sông Công quản lý [57].

Ngày 13/6/2011, Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 05-TTg, phân chia địa giới xã Tân Quang thành phường Bách Quang và xã Tân Quang. Như vậy, từ thời điểm này trở đi, thị xã Sông Công gồm có 6 phường: Bách Quang, Cải Đan, Lương Châu, Mỏ Chè, Phố Cò, Thắng Lợi và 4 xã: Bình Sơn, Bá Xuyên, Tân Quang, Vinh Sơn với tổng số 131 thôn, tổ dân phố.

Thị xã Sông Công nằm trong khoảng tọa độ địa lí $21^{\circ}28'$ vĩ Bắc, $105^{\circ}51'$ kinh Đông; phía bắc giáp thành phố Thái Nguyên, phía đông giáp thành phố Thái Nguyên và thị xã Phổ Yên, phía nam và phía tây giáp thị xã Phổ Yên.

Địa hình thị xã Sông Công tương đối bằng phẳng, có cấu trúc đa dạng trên một vùng đồi đất thấp (diện tích đồi, núi thấp chiếm 2/3 diện tích toàn Thị xã). Nơi cao nhất trong khu vực nội thị là ngọn núi Tảo (54 m). Địa hình Thị xã dốc từ hướng tây bắc xuống đông nam, theo hướng chảy của sông Công. Cao độ nền trung bình thường ở mức 15 - 17 m.

Trên địa bàn thị xã Sông Công có 2 trường cao đẳng, 1 trung tâm hướng nghiệp, 1 trung tâm dạy nghề, 2 trường Trung học phổ thông, 5 trường Trung học cơ sở, 1 trung tâm bồi dưỡng chính trị, 10 trung tâm học tập cộng đồng ở 10 xã, phường. Hệ thống y tế được quan tâm đầu tư nâng cấp với gần 70% trạm

y tế đạt chuẩn Quốc gia. Tháng 7/2010, Đảng bộ và nhân dân Sông Công vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Nhất*.

Ngày 15/5/2015, theo Nghị quyết số 932/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thành phố Sông Công được thành lập trên cơ sở toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của thị xã Sông Công. Thành phố Sông Công được quy hoạch trở thành một đô thị công nghiệp theo hướng hiện đại. Hiện tại, trên địa bàn Thành phố đã và đang thu hút nhiều dự án đầu tư về đô thị như: Khu đô thị Kosy 40 ha, khu dân cư đường Thống Nhất 20 ha...

1.1.2. Quá trình thành lập Nhà máy Diesel Sông Công

Từ đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xuất phát từ yêu cầu đẩy mạnh phát triển công nghiệp cơ khí, cơ khí hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng, một trung tâm công nghiệp cơ khí từng bước hình thành ở vùng Tây Nam huyện Đông Hỷ và Bắc huyện Phổ Yên, dọc theo hữu ngạn và tả ngạn sông Công, liền kề với Quốc lộ 3 và đường sắt Quán Triều - Đông Anh. Một khu vực rộng lớn đồi núi, gò, đầm được san lấp để xây dựng các nhà máy. Khu vực Bắc Phổ Yên và Tây Nam huyện Đông Hỷ vốn là vùng đồi gò hoang vu, hẻo lánh, dần dần trở thành một khu đô thị sầm uất.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, cách mạng nước ta chuyển sang thời kì mới với hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp, trong đó có công nghiệp cơ khí và luyện kim. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (12/1976) nêu rõ: *“Ngành Cơ khí phải được nhanh chóng xây dựng lớn mạnh. Hoàn thành sớm việc quy hoạch xây dựng và sản xuất cơ khí trong cả nước; đẩy mạnh chuyên môn hoá và hiệp tác hoá sản xuất giữa cơ khí của các ngành và các địa phương. Sắp xếp, cải tạo và mở rộng những xí nghiệp hiện có; tập trung sức xây dựng một số xí nghiệp mới quan trọng. Cung ứng đủ công cụ thường và công cụ cải tiến với chất lượng tốt; bảo đảm phần lớn nhu cầu sửa chữa máy móc, thiết bị và nhu cầu phụ tùng của các ngành kinh tế; sản xuất nhiều máy công cụ, động cơ, máy kéo, bơm, máy móc nông nghiệp; lắp ráp xe vận tải,*

đóng tàu vận tải biển, tàu đánh cá, tàu hút bùn, tuốc bin thủy điện cỡ nhỏ; sản xuất hàng loạt thiết bị toàn bộ cỡ vừa và nhỏ cho các nhà máy gạch, ngói, xi măng, đường, chè, xay xát gạo...; cung ứng một phần thiết bị lạnh, thiết bị mỏ, thiết bị điện, máy móc xây dựng...

Phát triển luyện kim từng bước, cân đối với sản xuất cơ khí và quy mô xây dựng cơ bản. Hoàn thành xây dựng và mở rộng các cơ sở luyện thép hiện có; xây dựng nhiều lò thép điện trong các nhà máy cơ khí; chuẩn bị khởi công xây dựng cơ sở luyện thép cỡ lớn. Mở rộng sản xuất còrômít, thiếc; chuẩn bị xây dựng các cơ sở luyện chì, kẽm, v.v.. tìm kiếm những nguồn quặng mới. [32, tr.66-67].

Vào tháng 2/1976, với sự giúp đỡ của Liên Xô (cũ), Công trình Diesel Sông Công được khởi công xây dựng trên diện tích rộng hơn 16 ha tại khu vực Bắc Phổ Yên và Tây Nam huyện Đông Hỷ, nơi cách thủ đô Hà Nội 58 km về phía bắc. Hàng ngàn kỹ sư và công nhân Việt Nam cùng các chuyên gia Liên Xô đã sát cánh bên nhau xây dựng, làm nên quy mô và sự bề thế của một khu công nghiệp mới.

Ngày 10/4/1979, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 112/TTg, phê duyệt nhiệm vụ thiết kế Nhà máy Sông Công chế tạo động cơ diesel do Bộ Cơ khí và Luyện kim quản lý, với nội dung như sau:

Tên công trình: Nhà máy Sông Công chế tạo động cơ diesel (tên cũ: Diesel Gò Đầm).

Địa điểm xây dựng: Thôn Lương Châu, xã Thành Công, huyện Đông Hỷ, tỉnh Bắc Thái; diện tích chiếm đất 15 ha.

Nhiệm vụ của Nhà máy: Chế tạo động cơ diesel cỡ 50 mã lực, động cơ khởi động chạy bằng xăng cỡ 10 mã lực, một số phụ tùng của các loại động cơ nói trên và một số phôi rèn, dập, phôi đúc (gang, thép, kim loại màu).

Năng lực sản xuất: 10.000 tấn/năm sản phẩm xuất xưởng các loại.

Sản phẩm của Nhà máy: Động cơ diesel 50 mã lực có kèm theo động cơ khởi động 10 mã lực 2.100 cái/năm, 1.428 tấn/năm; bơm nhiên liệu 4 nhánh và 2 nhánh 5.000 bộ/năm, 145 tấn/năm; vòi phun nhiên liệu 21.000 bộ/năm, 10

tấn/năm; phụ tùng động cơ 255 tấn/năm; phụ tùng bơm nhiên liệu và vòi phun 56 tấn/năm; phôi rèn dập các loại 2.000 tấn/năm [56].

Hợp tác sản xuất và cung cấp vật liệu: Nhà máy nhận từ bên ngoài các loại nguyên, nhiên, vật liệu cùng một số phụ tùng, bán thành phẩm gồm: manhêto, bugi, máy phát điện, động cơ điện, khí cụ điện, đo lường các loại; bộ chế hòa khí, bơm bánh răng, bộ giữ nhiệt, ống dẫn nhiên liệu, ống dẫn dầu, dây dẫn điện; các chi tiết phi kim loại, các chi tiết bằng gang, rèn, các chi tiết tiêu chuẩn hóa. Nhà máy có nhiệm vụ cung cấp 6.000 tấn/năm phôi đúc, 2.000 tấn/năm phôi rèn dập cho bên ngoài.

Trang thiết bị của Nhà máy: Sử dụng thiết bị đồng bộ do Liên Xô cung cấp, riêng một số trang thiết bị đơn giản do các xí nghiệp trong nước chế tạo.

Quy mô xây dựng và thiết kế công trình: Nhà máy có không quá 60.000 m² diện tích xây dựng, có mái che các loại trong đó: Nhà sản xuất: 42.400 m²; Nhà hành chính, quản lí (3 tầng): 1.600 m²; Kho các loại: 10.000 m²; Nhà ăn ca (2 tầng): 1.000 m²; Diện tích khai thác: 4.000 m².

Nhà máy có các hạng mục phụ, hạng mục phục vụ cần thiết như: Kho lộ thiên, đường vận chuyển nội bộ và đường sắt chuyên dụng tới ga Lương Sơn, hệ thống cung cấp điện, hệ thống cung cấp và thoát nước (có xử lí nước thải), mạng lưới thông tin, truyền thanh, trang bị chống sét, cổng, tường rào, cây xanh...

Nguồn điện cung cấp: Lấy từ lưới điện Quốc gia qua trạm biến thế 110/35/6 KV tại khu vực Gò Đầm, công suất đặt 20.000 KVA. Nhà máy được đảm bảo cung cấp điện theo tiêu chuẩn hộ tiêu thụ loại I cho các lò nấu luyện kim loại.

Nguồn nước: Lấy từ hệ thống cung cấp nước chung của khu vực, lượng tiêu thụ 420 m³/h.

Hơi nước, khí nén: Do Nhà máy tự cung cấp bằng thiết bị riêng.

Chế độ làm việc và biên chế của Nhà máy:

+ Chế độ làm việc: 305 ngày/năm, 2 ca/ngày, 8 h/ca.

+ Biên chế: Không quá 2.500 cán bộ, công nhân, viên chức các loại; trong đó trực tiếp sản xuất là 2.200 người; gián tiếp 300 người.

Vốn đầu tư:

+ Khu sản xuất: Tổng mức 150 triệu đồng (kể cả khoản chi bằng ngoại tệ được tính theo tỉ giá 1 rúp tương đương 5,64 đồng; trong đó: Xây lắp 52 triệu đồng, thiết bị 80 triệu đồng, thiết kế cơ bản khác 18 triệu đồng.

+ Khu sinh hoạt: Do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tính toán và thực hiện đầu tư theo quy hoạch chung của Khu Công nghiệp Gò Đầm.

Thời gian thi công: 48 tháng kể từ ngày khởi công ghi kế hoạch Nhà nước. [56]

Thực hiện sự chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ tại cuộc họp ngày 31/5/1979, trong tháng 6/1979, Bộ Cơ khí và Luyện kim lập xong tổng tiến độ thi công công trình; trong đó nêu rõ khối lượng công việc cụ thể chi tiết của từng giai đoạn, những công việc do cán bộ, công nhân Việt Nam phụ trách và những việc do các chuyên gia Liên Xô phụ trách. Bộ Cơ khí và Luyện kim phối hợp cùng Bộ Ngoại thương kí hợp đồng với Liên Xô cung cấp chi tiết phụ tùng cho việc lắp ráp 300 động cơ vào 6 tháng cuối năm 1980, đồng thời lập đơn hàng nhập cáp điện ngầm cho công trình.

Là một công trình trọng điểm của Nhà nước, trong quá trình thành lập Nhà máy, các bộ ngành đều được phân công trách nhiệm cụ thể:

Bộ Vật tư và Bộ Lâm nghiệp có trách nhiệm giải quyết các vật tư như gỗ, xăng dầu... để đảm bảo tiến độ thi công công trình. Sau khi đã lập được tiến độ thi công cụ thể, tỉ mỉ của công trình, nếu có khả năng làm vượt mức kế hoạch năm 1979 thì Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có kế hoạch bổ sung vốn.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái là chủ đầu tư của các công trình cung cấp nước, thải nước, đường sá, nhà ở. Ban Kiến thiết được thành lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, gồm những cán bộ có năng lực, thường xuyên bám sát hiện trường và làm việc với Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Tỉnh Bắc Thái là địa phương có khả năng giải quyết vật liệu tại chỗ (có thép, phế phẩm của cán thép Gia Sàng, có xi măng địa phương...) để làm nhà ở

cho công nhân. Vì vậy, chính quyền địa phương có trách nhiệm quản lý chặt chẽ các loại vật liệu và ưu tiên dành cho việc xây dựng nhà ở của công nhân. Lãnh đạo tỉnh cùng Bộ Cơ khí và Luyện kim duyệt thiết kế quy hoạch xây dựng khu nhà ở thấp tầng tại đồi Yên Ngựa; sau đó trình Thủ tướng Chính phủ để xét cho xây dựng.

Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm thiết kế quy hoạch khu công nghiệp, thiết kế hệ thống cấp nước 15.000 m³/ngày đêm; hệ thống thải nước mưa, thải nước công nghiệp, nhà cao tầng, hệ thống đường sá... thanh quyết toán và bàn giao đầy đủ cho Ban Kiến thiết khu vực Bắc Thái. Công ty Xây lắp cơ khí của Bộ Cơ khí và Luyện kim chịu trách nhiệm thi công tiếp.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Thái tổ chức cuộc họp với Bộ Xây dựng và Công ty Xây lắp cơ khí để bàn giao công việc còn lại; đồng thời bàn kế hoạch khẩn trương thi công hoàn thành các công trình này.

Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thi công hệ thống các tuyến đường giao thông nội thị, bảo đảm trong năm 1979 sử dụng được tốt. Trong quá trình thi công hệ thống giao thông, Bộ có trách nhiệm đảm bảo thoát nước cho công trình và không được gây úng cho ruộng nương xung quanh.

Bộ Điện và Than phụ trách xây dựng trạm biến thế khu vực và bảo đảm nguồn điện, Bộ này có kế hoạch thi công trạm và đường dây ăn khớp với tiến độ thi công để Nhà máy đi vào sản xuất đúng kế hoạch.

Đến ngày 25/4/1980, Nhà máy Diesel Sông Công chính thức được thành lập theo Quyết định số 118/CL-CB của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim. Tuy nhiên, quá trình xây lắp vẫn tiếp tục thực hiện trong những năm tiếp theo.

1.2. Bộ máy tổ chức và hoạt động của Nhà máy Diesel Sông Công

Sau khi đất nước thống nhất (năm 1975), ngày 8/4/1977, Hội đồng Chính Phủ đã ra Nghị định số 93-CP ban hành *Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*.

Điều 2 của *Điều lệ* nêu rõ: Xí nghiệp sản xuất và kinh doanh theo kế hoạch của Nhà nước được quyết định từ Trung ương trên những chỉ tiêu chủ yếu nằm trong sự cân đối chung của toàn bộ nền kinh tế quốc dân và được xây

dựng từ cơ sở. Xí nghiệp là một tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân, hoạt động theo nguyên tắc tự chủ tài chính và được quản lý theo chế độ thủ trưởng dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xí nghiệp [50].

Trong thời gian đầu thành lập, bộ máy tổ chức quản lý của Nhà máy chưa được hoàn chỉnh; việc cung cấp nguyên vật liệu, phân phối sản phẩm, giá bán đều do Bộ quyết định. Bộ máy tổ chức của Nhà máy được tổ chức đúng theo mô hình kế hoạch hóa tập trung. Việc tuyển dụng nhân sự theo dự án, công trình được phê duyệt. Các nhân sự quản lý, kỹ sư, cử nhân, công nhân bậc cao đều do Bộ phân công, bố trí. Việc trả lương theo bậc lương của Nhà nước quy định. Quỹ tiền lương do Bộ duyệt.

1.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý

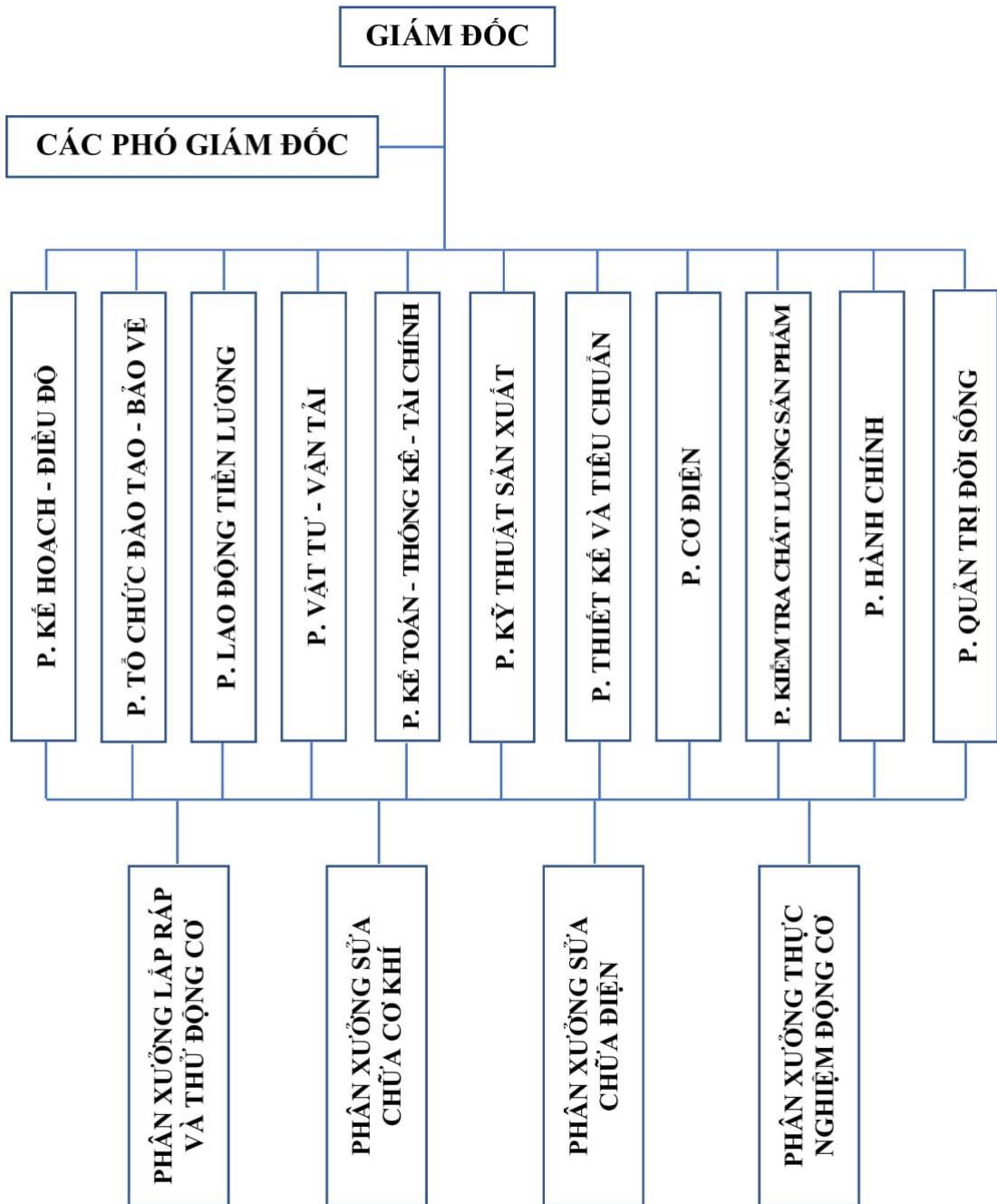
Theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Cơ khí và Luyện kim, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý Nhà máy Diesel Sông Công ban đầu gồm bộ máy quản lý với những phòng, ban phù hợp với giai đoạn xây dựng và chuẩn bị sản xuất; một số ít các phân xưởng chủ yếu thực hiện những công việc phục vụ cho xây lắp công trình, lắp ráp sản phẩm từ những linh kiện nhập khẩu, các xưởng phục vụ cơ điện cho hoạt động ban đầu của thiết bị (*Sơ đồ 1.1*).

Ban Giám đốc Nhà máy gồm có 1 Giám đốc và các Phó Giám đốc. Giám đốc phụ trách chung, tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị sản xuất cho đến khi Nhà máy xây dựng xong; đồng thời căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất, sắp xếp, bố trí cán bộ công nhân viên cho các bộ phận nghiệp vụ, kỹ thuật và sản xuất để đưa Nhà máy vào sản xuất theo kế hoạch của Bộ và thực hiện những nhiệm vụ đã quy định trong *Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*.

Các Phó Giám đốc phụ trách các hoạt động chính: Xây dựng cơ bản, Kỹ thuật, Sản xuất kinh doanh, Hành chính - Quản trị. Số lượng các Phó Giám đốc cũng thay đổi trong từng giai đoạn tùy theo sự phân công, bổ nhiệm của Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Thời gian đầu, Nhà máy có 11 phòng nghiệp vụ: Kế hoạch - Điều độ, Tổ chức đào tạo - bảo vệ, Lao động tiền lương, Vật tư - Vận tải, Kế toán - Thống kê - Tài chính, Kỹ thuật sản xuất, Thiết kế và Tiêu chuẩn, Cơ điện, Kiểm tra chất lượng, Hành chính, Quản trị đời sống; 4 phân xưởng: Lắp ráp và thử động

cơ, Sửa chữa cơ khí, Sửa chữa điện, Thực nghiệm động cơ. Cán bộ quản lí ở các phòng gồm Trưởng phòng và Phó Trưởng phòng, ở các xưởng là Quản đốc và Phó Quản đốc.



Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức Nhà máy Diesel Sông Công 25/4/1980

Ngoài các phòng nghiệp vụ, còn có các ban chuyên môn, như Ban An toàn, Ban Sáng kiến cải tiến, Ban Thi đua khen thưởng...

Chế độ làm việc của các phòng, ban được thực hiện theo giờ hành chính. Tùy theo tiến độ và yêu cầu công việc, các xưởng có thể tổ chức làm việc theo 3 ca: Sáng - chiều - đêm.

Về đội ngũ, chất lượng nguồn nhân lực:

Tổng số lao động của Nhà máy là 2.138 người, trong đó công nhân 1.727 người (công nhân sản xuất 615 người), kỹ sư, kỹ thuật viên 269 người, nhân viên nghiệp vụ, phục vụ 142 người [56].

Lực lượng công nhân ban đầu được tuyển dụng, một phần từ các nhà máy khác trong Bộ Cơ khí và Luyện kim điều chuyển đến, một phần được tuyển từ các trường trung cấp, như Trường Công nhân kỹ thuật Việt Đức, Trường Công nhân kỹ thuật 3, Trường Trung cấp Cơ khí và Luyện kim,... Ngoài ra, còn có một lực lượng lao động phổ thông được tuyển dụng và tự đào tạo tại Nhà máy. Riêng số lao động phân theo các phân xưởng sản xuất theo thiết kế như sau:

Bảng 1.1. Số lao động phân theo các xưởng sản xuất chính (người)

Tên xưởng	Tổng số	Công nhân
- Đúc	348	310
- Rèn	50	41
- Cơ khí	531	423
- Dập nguội, hàn	34	18
- Nhiệt luyện	21	18
- Mạ	23	16
- Sơn	9	6
- Lắp ráp	24	22
Tổng	1.040	854

(Nguồn: Theo số liệu thống kê lao động lưu trữ tại Công ty)

Một số lượng lớn cán bộ, công nhân đầu tiên của Nhà máy được cử sang Liên Xô đào tạo. Đây là lực lượng nòng cốt tiếp thu quản lý, công nghệ, kỹ thuật, sản xuất của Nhà máy.

1.2.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Khi thành lập Nhà máy năm 1980, các dây chuyền thiết bị mới chỉ được lắp đặt tại các xưởng lắp ráp, cơ, điện và xưởng thực nghiệm. Trong giai đoạn 1983 - 1985 (và còn tiếp tục ở giai đoạn sau), Nhà máy mới lắp đặt các dây chuyền và thiết bị công nghệ chính, gồm:

- Xưởng Cơ khí:

+ Công đoạn gia công các chi tiết kim loại màu;

+ Công đoạn gia công các chi tiết gang nhỏ;

+ Công đoạn gia công thân máy và nắp xi lanh;

+ Công đoạn gia công séc măng;

+ Công đoạn gia công các chi tiết thép;

+ Công đoạn gia công trục khuỷu, trục cam;

+ Công đoạn bơm cao áp và vòi phun;

+ Công đoạn các chi tiết tự động.

- Xưởng Dụng cụ.

- Xưởng Dập nguội (lắp máy dập song động 315/200T, máy dập 350T, máy dập 1.000T,...)

- Xưởng Rèn (lắp máy búa 10T; máy búa 2T; máy dập 1.600T,...)

- Xưởng Đúc (lắp dây chuyền đúc chi tiết lớn, dây chuyền đúc chi tiết nhỏ, bộ phận đúc sửa chữa, thiết bị đúc kim loại màu, đúc áp lực, bộ phận đúc mẫu chảy).

Các thiết bị sau khi được lắp đặt đã tiến hành gia công thử các chi tiết. Các chi tiết sử dụng phôi đúc, phôi rèn thì gia công số phôi được nhập khẩu đồng bộ 1.000 động cơ để thử nghiệm gia công cơ. Các chi tiết sử dụng thép tấm, thép thanh (dập nguội và gia công) cũng sử dụng số vật tư được nhập khẩu.

Các máy búa 10T, 2T, máy dập 1.600T tiến hành dập thử các chi tiết động cơ với vật tư và khuôn được cung cấp đồng bộ.

Các thiết bị đúc được lắp đặt đưa vào sử dụng là các lò hồ quang 6T, lò hồ quang 0,5T lò cảm ứng 160 kg để đúc thử chi tiết. Các lò 10T và hai dây chuyền đúc gần như chỉ mới được chạy thử không tải (không có chi tiết đúc). Các bộ phận đúc kim loại màu và đúc mẫu chảy thì được đưa vào thử nghiệm và sản xuất ngay những loạt chi tiết đầu tiên của động cơ.

Theo thiết kế của công trình, Nhà máy được đầu tư để sản xuất động cơ diesel D50L (công suất 55 mã lực). Đây là động cơ chuyên dùng lắp trên máy kéo 4 bánh MTZ50. Loại máy kéo này khá phổ biến trong giai đoạn hợp tác hóa nông nghiệp trước đây ở miền Bắc. Máy kéo có thể sử dụng để cày, bừa, phay đĩa, phay lồng trên đồng ruộng và cũng được dùng để làm phương tiện vận chuyển trên đường.

Trong thời gian đầu thành lập, các động cơ được lắp ráp từ các linh kiện đồng bộ được cung cấp theo dự án. Số lượng động cơ từ linh kiện đồng bộ được lắp chủ yếu năm 1981. Số động cơ lắp năm 1985 có sử dụng các linh kiện được gia công từ các phôi được cung cấp để sản xuất 1.000 động cơ (Bảng 1.2).

Bảng 1.2. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1981 - 1985

TT	Chỉ tiêu	Đvt	1981	1982	1983	1984	1985
A	Giá trị TSL	1000đ	705	2.222	2.304	11.465	28.231
1	Động cơ D50, D50L	cái	230	12			164
2	Hộp số thủy	cái			5	11	75
3	Hàng trang bị, phi tiêu chuẩn	1000đ	276	1.026	1.747	1.874	7.229
4	Phụ tùng các ngành khác	1000đ	199	1.184	407	2.602	13.631
B	Tổng doanh thu	1000đ	705	2.222	2.304	10.745	21.211
1	Động cơ D50, D50L	cái	230	12			154
2	Hộp số thủy	cái			1	13	55
3	Hàng trang bị, phi tiêu chuẩn	1000đ	276	1.026	4.200	8.056	7.588
4	Phụ tùng các ngành khác	1000đ	199	1.184	208	1.389	8.163

* Theo giá trị tiền tệ trước 1980 giá trị xây lắp công trình chỉ là 52 triệu đồng, giá trị thiết bị là 80 triệu đồng.

* Năm 1985 có cải cách giá - lương - tiền và lạm phát tăng mạnh (còn đôi tiền theo tỉ giá 10 đồng tiền cũ đổi 1 đồng tiền mới). Vì vậy, tổng doanh thu lên đến hơn 21 triệu đồng.

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh Nhà máy giai đoạn 1981 - 1985)

Sản phẩm của Nhà máy sản xuất được giao nộp Nhà nước theo kế hoạch tập trung. Để tận dụng năng lực thiết bị, các sản phẩm chế tạo đầu tiên của Nhà máy là khoan tay dùng trong dân dụng, poóc-ba-ga xe đạp theo kế hoạch được phân công của Bộ Cơ khí và Luyện kim.

Ngoài ra, Nhà máy còn có bộ phận Xưởng gò, hàn, rèn, thực chất chỉ là xưởng tạm tận dụng năng lực hàn, gò, rèn thủ công để làm các loại hàng hóa phi tiêu chuẩn như giá kệ, thùng chứa, khung kết cấu phục vụ việc lắp đặt Nhà máy.

Những kết quả đạt được trong những năm 1981 - 1985 có vai trò quan trọng của các tổ chức Đảng và đoàn thể quần chúng trong Nhà máy Diesel Sông Công.

Theo quy định của *Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh* ban hành kèm theo Nghị định của Hội đồng Chính phủ số 93-CP ngày 8/4/1977, xí nghiệp đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý trực tiếp của Nhà nước theo những nguyên tắc quản lý kinh tế của CNXH.

Đảng bộ Nhà máy lúc thành lập có khoảng 45 đảng viên. Hầu hết trong số đó đều có bản lĩnh và kinh nghiệm công tác tại các đơn vị, nhà máy thuộc Bộ Cơ khí và Luyện kim. Đảng bộ thường xuyên nắm chắc tình hình chính trị, kinh tế, xã hội và nhiệm vụ được giao để lãnh đạo Nhà máy hoàn thành tốt kế hoạch trong giai đoạn xây lắp và chuẩn bị sản xuất.

Quán triệt tinh thần bản *Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh*, Đảng ủy Nhà máy đã chú trọng lãnh đạo việc phát huy quyền làm chủ tập thể của công nhân, viên chức. Điều đó được thể hiện ở việc quy định Ban Giám đốc cùng với tổ chức Công đoàn chuẩn bị tốt hội nghị công nhân, viên chức thường kỳ; báo cáo trước hội nghị về nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước giao, về tình hình hoạt động sản xuất và kinh doanh của Nhà máy...

Giám đốc thường xuyên phối hợp chặt chẽ với Công đoàn trong việc giáo dục, rèn luyện và tổ chức cho quần chúng công nhân, viên chức, lao động thực hiện nghĩa vụ và quyền tham gia quản lý của mình trong Nhà máy. Ban Giám đốc luôn tôn trọng chức trách của Công đoàn theo quy định của pháp luật; nghiên cứu những ý kiến của Công đoàn về những vấn đề quản lý nhà máy

và tổ chức đời sống cho người lao động; cùng bàn bạc với Công đoàn Nhà máy để có kế hoạch chung nhằm phối hợp chặt chẽ giữa việc chỉ huy sản xuất với việc vận động quần chúng đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ sản xuất và cải thiện đời sống của công nhân, viên chức, lao động.

Công đoàn Nhà máy thường xuyên tổ chức các phong trào thi đua *Thực hiện ngày công, giờ công đầy đủ*. Hằng năm, công đoàn viên đều được đánh giá, bình bầu các danh hiệu thi đua *Lao động tiên tiến, Chiến sĩ thi đua...* Các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao được đẩy mạnh. Công đoàn thường xuyên phối hợp với Đoàn Thanh niên Nhà máy tổ chức các giải thi đấu bóng đá, cầu lông giữa các phân xưởng; tổ chức liên hoan văn nghệ vào dịp các ngày lễ kỉ niệm của đất nước, Ngày Truyền thống Nhà máy (25/4).

Những năm đầu thập niên 80 là giai đoạn hết sức khó khăn về đời sống, nhưng Công đoàn luôn động viên tinh thần lao động của công nhân, viên chức. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức là những món ăn tinh thần không thể thiếu đối với người lao động trong thời kì đầu mới thành lập còn nhiều khó khăn, thiếu thốn về vật chất.

Cùng với tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên Nhà máy tích cực vận động đoàn viên, thanh niên xung kích trong mọi hoạt động theo tinh thần *“Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên”*, đi đầu trong phong trào thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kĩ thuật, nâng cao năng suất lao động...

Cùng với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Giám đốc, hoạt động của Công đoàn và Đoàn Thanh niên là nhân tố quan trọng để Nhà máy luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Tiểu kết chương 1

Đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, được sự giúp đỡ của Nhà nước Liên Xô (cũ), công trình Công trình Nhà máy Diesel Sông Công đã được khởi công xây dựng vào tháng 2/1976. Trải qua quá trình lao động vất vả của cán bộ, công nhân, với sự chỉ đạo trực tiếp của Chính phủ, sự góp sức của các bộ, các ngành, đến ngày 25/4/1980, Nhà máy Diesel Sông Công chính thức được thành lập. Đây là một trong những nhà máy

đầu tiên của Khu Công nghiệp Gò Đầm Sông Công tỉnh Bắc Thái (tỉnh Thái Nguyên hiện nay).

Ngay sau khi được thành lập, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, điều hành của Ban Giám đốc, Nhà máy nhanh chóng đi vào hoạt động sản xuất. Kết quả này có sự đóng góp tích cực của tổ chức Công đoàn và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đã tổ chức các phong trào thi đua, động viên cán bộ, công nhân trong Nhà máy hăng hái tham gia. Đây chính là tiền đề quan trọng giúp cho Nhà máy tiếp tục đạt nhiều kết quả trong thời kì đổi mới.

Chương 2

NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG THỜI KÌ 1986 – 2016

(Năm 1995 đổi tên thành Công ty Diesel Sông Công)

Đây là thời kì toàn Đảng, toàn dân thực hiện công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Công ty Diesel Sông Công đã trải qua nhiều giai đoạn, với những yêu cầu nhiệm vụ cụ thể khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh cụ thể trong từng giai đoạn.

2.1. Giai đoạn đổi mới mô hình (1986 - 1990)

2.1.1. Bối cảnh lịch sử

Từ những năm 80 của thế kỉ XX, tình hình thế giới có nhiều chuyển biến, tác động sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi quốc gia, dân tộc. Toàn cầu hoá trở thành xu thế nổi bật và tất yếu chi phối thời đại, không loại trừ một quốc gia, dân tộc nào. Nếu muốn phát triển, các nước buộc phải mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Cùng với toàn cầu hoá kinh tế, cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 3 diễn ra với nhịp độ ngày càng mạnh mẽ, mà cốt lõi là dựa trên việc ứng dụng những phát minh khoa học công nghệ, phát triển các ngành công nghệ cao, như công nghệ truyền thông và tin học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học...

Tình hình này đã tác động mạnh đến nền kinh tế thế giới, chẳng những các lực lượng sản xuất và cơ cấu kinh tế thế giới có nhiều thay đổi theo xu hướng dựa vào tri thức, khoa học công nghệ, mà còn làm xuất hiện các ngành sản xuất mới có hàm lượng chất xám ngày càng tăng cao. Ngành dịch vụ ngày càng có vai trò quan trọng và tỉ trọng lớn dần trong cơ cấu kinh tế quốc dân. Mặt khác, nó làm thay đổi quan hệ kinh tế và quản lí kinh tế thế giới theo các hướng khác nhau đối với từng loại nước:

Trong các nước tư bản phát triển, sau cuộc khủng hoảng dầu mỏ (1973), từ đầu những năm 80 đã tiến hành chính sách điều chỉnh kinh tế. Nội dung cơ bản là điều chỉnh cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung vào các ngành có hàm lượng khoa học công nghệ cao; thực hiện điều tiết nền kinh tế thông qua các

công cụ vĩ mô; thực hiện tư nhân hóa khu vực kinh tế nhà nước, tăng cường vai trò của kinh tế tư nhân.

Các nước đang phát triển ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á cũng thực hiện cải cách kinh tế, trở thành khu vực phát triển năng động của thế giới. Cải cách ở đây bao gồm cải cách cơ cấu và xác định đúng chiến lược kinh tế để nâng cao sức cạnh tranh và phát triển, mở cửa hội nhập và liên kết kinh tế; khuyến khích xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, coi đây là động lực để phát triển kinh tế.

Các nước XHCN trước các khó khăn chồng chất, đã tiến hành đổi mới, chủ yếu là đổi mới về kinh tế nhằm khắc phục cơ chế kế hoạch hóa hành chính chỉ huy, chuyển đổi sang kinh tế thị trường.

Trào lưu cải cách rộng khắp trên thế giới cùng với quá trình toàn cầu hóa, cuộc cách mạng khoa học công nghệ lần thứ 3 là một trong những tác động dẫn đến công cuộc đổi mới kinh tế ở Việt Nam.

Trải qua 10 năm thực hiện cách mạng XHCN trên phạm vi cả nước (1976 - 1986), nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu và tiến bộ đáng kể trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. Các cơ sở nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải bị địch đánh phá về cơ bản đã được khôi phục và bước đầu phát triển.

Trong nông nghiệp, nhờ tăng cường biện pháp khai hoang, thâm canh tăng vụ, diện tích gieo trồng tăng thêm gần 2 triệu hécta. Nông nghiệp được trang bị thêm 18.000 máy kéo các loại.

Trong công nghiệp, nhiều nhà máy được gấp rút xây dựng, như nhà máy điện, cơ khí, xi măng, v.v... Trong giao thông vận tải, khôi phục và xây dựng mới 1.700 km đường sắt, 3.800 km đường bộ, 30.000 mét cầu đường, 4.000 mét bến cảng. Tuyến đường sắt Thống nhất từ Hà Nội đi thành phố Hồ Chí Minh sau 30 năm bị gián đoạn, đã hoạt động trở lại...

Bên cạnh những thành tựu đạt được, chúng ta cũng gặp không ít khó khăn, yếu kém. Sau 5 năm, nền kinh tế của nước ta vẫn còn mất cân đối lớn. Kinh tế quốc doanh và tập thể luôn bị thua lỗ, không phát huy được tác dụng. Kinh tế tư nhân và cá thể bị ngăn cấm. Sản xuất phát triển chậm, thu nhập quốc

dân và năng suất lao động thấp, đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực. Những khó khăn trong quá trình đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng lớn, nhất là sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền (cuối năm 1985), làm cho đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng về kinh tế - xã hội. Một trong những nguyên nhân cơ bản của khó khăn yếu kém là do sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện.

Để khắc phục sai lầm, khuyết điểm, đưa đất nước vượt qua khủng hoảng và phát triển đi lên, tất yếu phải tiến hành đổi mới. Đổi mới là vấn đề cấp bách, có ý nghĩa sống còn đối với chủ nghĩa xã hội ở nước ta; đồng thời phù hợp với xu thế chung của thời đại.

Nhận thức được yêu cầu cấp bách đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12/1986) thông qua đường lối đổi mới toàn diện đất nước. Trong đường lối đổi mới có chủ trương đổi mới phát triển công nghiệp nói chung và công nghiệp nặng nói riêng. Đổi mới trước hết là ở nhận thức: Trong những năm trước, do nhận thức phiến diện về công nghiệp hóa XHCN, dẫn đến khuynh hướng ham phát triển công nghiệp nặng, ham quy mô lớn và xây dựng mới, cho nên kinh tế đất nước lâm vào tình trạng mất cân đối nghiêm trọng.

Để khắc phục tình trạng đó, trong công cuộc đổi mới, Đảng và Nhà nước đề ra chủ trương bố trí lại cơ cấu sản xuất, cơ cấu đầu tư các ngành kinh tế, thực chất là cụ thể hoá nội dung của công nghiệp hoá XHCN cho phù hợp với trình độ phát triển kinh tế nước ta ở từng giai đoạn. Những năm đầu của sự nghiệp đổi mới (1986 - 1990), cần tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn (Lương thực - Thực phẩm, Hàng tiêu dùng và Hàng xuất khẩu), tạo tiền đề để đẩy mạnh công nghiệp hoá XHCN trong chặng đường tiếp theo; cần phát triển một số ngành công nghiệp nặng để phục vụ cho ba chương trình kinh tế lớn.

Trong cơ chế quản lý công nghiệp, Đảng chủ trương xoá bỏ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán, kinh doanh và từng bước đưa nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước

theo định hướng XHCN. Đây là đường lối xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng XHCN với mục đích phát triển tối đa lực lượng sản xuất, để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, nâng cao và cải thiện đời sống cho nhân dân. Thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI và nghị quyết các hội nghị Trung ương tiếp theo, ngành Công nghiệp nặng có những chuyển biến mau lẹ cho phù hợp với tình hình mới.

Cùng với những thay đổi trong nhận thức, cơ chế quản lý công nghiệp được đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần VI (1986), sau 5 năm thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội và chủ trương của Đảng (1986 - 1990), nhân dân ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Tuy nhiên, đất nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn tiếp diễn, đã tác động không nhỏ đến ngành Công nghiệp luyện kim. Quy mô sản xuất hầu như không được mở rộng, các dự án xây dựng mới bị gián đoạn. Nhận thức rõ điều này, hầu hết các cơ sở luyện kim trên cả nước đều ra sức cải tiến sản xuất, năng động, nhạy bén với thị trường để duy trì hoạt động.

Trong những năm đầu thực hiện đường lối đổi mới, nhiều chính sách mới đối với doanh nghiệp được ban hành.

Ngày 22/3/1988, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 50-HĐBT ban hành *Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh* thay thế Điều lệ cũ ban hành theo Nghị định của Hội đồng Chính phủ số 93-CP ngày 8/4/1977.

Theo quy định của Điều lệ mới, xí nghiệp chủ động xây dựng và thực hiện phương hướng phát triển dài hạn, các kế hoạch 5 năm và hằng năm theo phương hướng, mục tiêu kế hoạch Nhà nước và căn cứ vào nhu cầu thị trường. Xí nghiệp có quyền yêu cầu các cơ quan cấp trên kịp thời thông báo những căn cứ và thông tin cần thiết để xây dựng kế hoạch. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp phải được phản ánh trong kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính thống nhất của xí nghiệp. Kế hoạch của xí nghiệp do đại hội công nhân, viên chức quyết định trên nguyên tắc bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và các hợp đồng đã ký kết.

Đại hội công nhân, viên chức xí nghiệp (hoặc Đại hội đại biểu) có quyền cao nhất, quyết định những vấn đề về: Phương hướng phát triển, kế hoạch sản

xuất, kinh doanh của xí nghiệp trên nguyên tắc bảo đảm hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước và hợp đồng đã kí kết, chủ trương và biện pháp bảo vệ tài sản, nâng cao năng lực và hiệu quả sản xuất, kinh doanh; Nội quy xí nghiệp; Những nguyên tắc phân phối thu nhập của tập thể lao động theo chính sách của Nhà nước; Cải thiện điều kiện lao động, đời sống và phúc lợi xã hội của công nhân, viên chức; Bầu Hội đồng Xí nghiệp, Ban Thanh tra công nhân và quyết định các vấn đề quan trọng khác thuộc quyền làm chủ của tập thể lao động ở xí nghiệp.

Trong hoạt động, Giám đốc và Hội đồng Xí nghiệp phải tôn trọng sự lãnh đạo của tổ chức Đảng tại xí nghiệp theo *Điều lệ Đảng*; tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi cho Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cũng như các tổ chức quần chúng khác tại cơ sở hoạt động theo đúng *Luật Công đoàn* và Điều lệ được pháp luật thừa nhận của các tổ chức đó.

Đảng uỷ lãnh đạo xí nghiệp, Ban Chấp hành Công đoàn và Ban Chấp hành các tổ chức quần chúng khác tham gia quản lí xí nghiệp, song không trực tiếp quyết định các công việc thuộc thẩm quyền của Đại hội công nhân, viên chức, Hội đồng Xí nghiệp và của Giám đốc [49].

Như vậy, Điều lệ Xí nghiệp mới đã trao quyền tự chủ nhiều hơn cho nhà máy về kế hoạch sản xuất kinh doanh, về lao động - nhân sự, về quyền hạn của người thủ trưởng (Giám đốc). Tuy nhiên, Điều lệ cũng đã xác lập một mô hình mới có sự tham gia quản lí là Hội đồng Xí nghiệp và Ban Thanh tra công nhân, một mô hình sau đó không phát huy được vai trò và không còn phù hợp trong thời gian tiếp tục đổi mới sau này.

Ngày 12/5/1990, Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) được thành lập theo Quyết định số 153-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. VEAM hoạt động theo quy chế của liên hiệp sản xuất kinh doanh quy định tại *Điều lệ Liên hiệp xí nghiệp quốc doanh* được ban hành theo Nghị định số 27-HĐBT ngày 22/3/1989 của Hội đồng Bộ trưởng.

Nhà máy Diesel Sông Công trở thành thành viên của VEAM hoạt động theo *Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh* được ban hành theo Nghị định số 50-HĐBT ngày 22/3/1988 của Hội đồng Bộ trưởng. Tên gọi tắt nhà máy là

“DISOCO” và Logo (hình tròn có cánh quạt động cơ và chữ DISOCO theo hình tròn) mặc dù chưa đăng kí chính thức cũng bắt đầu được sử dụng.

2.1.2. Hoạt động của Nhà máy Diesel Sông Công

Từ cuối năm 1986, nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bắt đầu chuyển đổi sang cơ chế mới. Các bao cấp về vật tư, nguyên vật liệu, tiêu thụ đối với các xí nghiệp quốc doanh giảm dần. Cùng thời gian này, Nhà máy Diesel Sông Công đang trong quá trình hoàn thiện xây lắp. Các hạng mục cuối cùng của Nhà máy được thi công, lắp đặt, chạy thử. Các dây chuyền sản xuất, sản phẩm sản xuất vẫn thuộc các dự án đầu tư, việc vận động sang cơ chế thị trường chưa được đặt ra rõ rệt.

Tuy nhiên, cũng có những hạng mục không được lắp đặt. Ví dụ, nhà nồi hơi để cung cấp cho một số hộ tiêu thụ trong đó chủ yếu là xưởng sơn, mạ đã bộc lộ thiết kế không phù hợp, chi phí vận hành lớn. Một số dây chuyền thiết bị lắp đặt xong cũng không phù hợp để vận hành, như hai dây chuyền đúc liên tục của xưởng đúc, dây chuyền sơn xưởng lắp ráp.

Tổng số các thiết bị công nghệ được lắp đặt trong giai đoạn này gồm 79 chủng loại, 512 chiếc, phân theo các xưởng như sau:

Bảng 2.1. Thiết bị lắp đặt tại Nhà máy giai đoạn 1986 - 1990

Tên xưởng	Số loại	Số lượng
- Xưởng cơ khí	30	146
- Xưởng bơm nhiên liệu	20	92
- Xưởng dụng cụ	25	86
- Xưởng sửa chữa cơ	17	55
- Xưởng dập nguội	18	49
- Xưởng rèn	13	23
- Xưởng đúc	17	61
Tổng	79	512

(Nguồn: Theo dữ liệu thống kê quản lí thiết bị của Nhà máy giai đoạn 1980 - 1990)

Việc thiết kế nhà máy có thể sản xuất tất cả các chi tiết của động cơ đã dẫn đến năng suất của từng công đoạn hoặc các thiết bị trong một công đoạn cũng rất khác nhau. Những công đoạn như gia công bạc lót, séc măng, dập nguội, tiện tự động, rèn có năng suất cao. Trái lại, các công đoạn gia công thân máy, quy lát lại có năng suất rất thấp. Hầu hết thiết bị công nghệ được đầu tư cho công trình Diesel Sông Công thuộc loại vụn vặt, sử dụng các đồ gá trang bị công nghệ để gia công nên chất lượng không ổn định, năng suất thấp, chi phí cao.

Việc sản xuất gần như tất cả các chi tiết động cơ đòi hỏi phải cung cấp một số lượng vật tư rất đa dạng tương ứng (Bảng 2.2). Với số chủng loại vật tư rất lớn, số lượng mỗi loại ít là một thách thức rất lớn về cung ứng nếu duy trì sản xuất số lượng động cơ theo thiết kế của công trình.

Bảng 2.2. Nhu cầu vật tư cho 01 động cơ D50L

Loại vật tư	Số loại	S.lg (kg)
- Thép tròn (d3,3-120)	121	202,8
<i>Trong đó: thép hợp kim</i>	40	81
- Thép 6 cạnh (s10-32)	35	14,4
- Thép vuông (12, 15, 28)	3	8,4
- Thép ống	21	16,2
- Thép tấm (0,5-9)	46	68,5
- Băng thép (0,15-12)	10	5
- Dây thép	27	2,2
- Thanh đồng	12	2
- Ống đồng	4	0,42
- Đồng tấm	18	
- Thanh, tấm nhôm	4	
- Bimetan	2	
- Lưới	5	
- Amiang	11	
Tổng	328	

(Nguồn: Theo số liệu thống kê lưu trữ tại Nhà máy giai đoạn 1986 - 1990)

Sản xuất động cơ D50L hàng loạt bắt đầu thực hiện từ năm 1987. Tuy nhiên, năm 1988 là năm các chi tiết lắp ráp được nhập khẩu đồng bộ không còn, Nhà máy Diesel Sông Công phải thực hiện gia công cơ gần như

toàn bộ. Một số chi tiết đúc vẫn sử dụng số phôi nhập khẩu, một số đã tiến hành đúc thử.

Việc sản xuất động cơ D50 bắt đầu giảm hẳn từ 1989 do sản xuất bắt đầu theo nhu cầu thị trường. Trong khi đó, nhu cầu động cơ cho các máy kéo lớn dùng cho các hợp tác xã trước đây không còn. Các hộ sản xuất nông nghiệp nhận ruộng khoán canh tác không có nhu cầu sử dụng máy kéo lớn.

Hộp số thủy được nghiên cứu chế tạo từ những năm trước đã đưa vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu lắp động cơ cho các tàu thủy (chủ yếu tàu dưới 200T vận tải đường sông).

Trong thời gian này, Nhà máy đã nắm bắt nhu cầu thị trường, tận dụng các máy búa 2T và 10T để rèn các phôi thép phục vụ cho cán thép xây dựng ở các cơ sở cán thép sử dụng các máy cán nhỏ (Bảng 2.3).

Bảng 2.3. Kết quả sản xuất, tiêu thụ sản phẩm giai đoạn 1986 - 1990

TT	Chỉ tiêu	Đvt	1986	1987	1988	1989	1990
A	Giá trị TSL	tr.đ	24,7	36,7	50,0	21,3	4.445
I	Sản xuất cơ khí	tr.đ	24,7	33,0	44,9	21,3	
1	Động cơ D50, D50L	cái	96	455	545	78	48
2	Động cơ D242, DSC80	cái					26
3	Máy thủy DT55	cái				41	12
4	Hộp số thủy	cái	100	110	200	7	
5	Hàng trang bị, phi tiêu chuẩn	tr.đ	6,3	2,5	2,2		
6	Phụ tùng động cơ	tr.đ	0,2	0,7	2,2	8,9	1,3
7	Phụ tùng các ngành khác	tr.đ	9,2	32,3	7,5	5,5	23,6
II	Sản xuất thép	tr.đ		3,8	5,1		
1	Thép thỏi	tấn			700		2.600
2	Thép cán các loại	tấn		20,6			
B	Tổng doanh thu	tr.đ	20,9	73,4	442	1.486	3.432
I	Sản phẩm cơ khí	tr.đ	20,9	69,6	437	1.486	2.200
1	Động cơ D50, D50L	cái	106	418	243	62	20
2	Động cơ D242, DSC80	cái				-	-
3	Máy thủy DT55	cái				17	3
4	Hộp số thủy	cái	77	122	129	7	7
5	Hàng trang bị, phi tiêu chuẩn	tr.đ	11,8	2,7	4,2		
6	Phụ tùng động cơ	tr.đ	0,2	0,9		236	71
7	Phụ tùng các ngành khác	tr.đ	2,6	34,6	81,9	846	1.978
II	Sản phẩm thép	tr.đ		3,8	5,1		1.232
1	Thép thỏi và phôi thép	tấn			700		2.040
2	Thép cán các loại	tấn		20,6			

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh DISOCO 1986 - 1990)

Những năm 1986 - 1990 là thời gian đầy thử thách của Nhà máy Diesel Sông Công khi thực hiện vận hành một công trình đang trong giai đoạn đầu tư, lắp đặt chạy thử. Hoạt động của Nhà máy mới ở giai đoạn vừa thử nghiệm, vừa tổ chức sản xuất. Trong khi đó, Nhà máy lại phải tìm cách thích nghi với cơ chế sản xuất kinh doanh mới. Thuận lợi của Nhà máy lúc này là có đội ngũ cán bộ quản lí, cán bộ kĩ thuật, công nhân đông đảo, nhiệt huyết, tuổi đời bình quân còn rất trẻ, có trình độ cao, được đào tạo bài bản; nguồn vật tư dự trữ dồi dào của công trình; trang thiết bị được đầu tư đa dạng và khá hiện đại.

Trong giai đoạn 1986 - 1990 số lượng động cơ sản xuất năm cao nhất cũng chỉ mới đạt ~1/4 công suất thiết kế, nên lao động tuyển dụng và sử dụng qua các năm như sau:

Bảng 2.4. Lao động thực tế của Nhà máy giai đoạn 1986 - 1990

Lao động	1986	1987	1988	1989	1990
Tổng số (người)	1.563	1.565	1.689	1.652	1.525
- Khối xưởng	1.088	1.108	1.188	1.184	1.071
- Khối phòng	475	457	501	468	454
<i>Lương b/quân (tr.đ)</i>					0,08

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động thực tế tại Nhà máy 1986 - 1990)

2.2. Giai đoạn đổi mới, đa dạng về sản phẩm (1991 - 2000)

2.2.1. Bối cảnh lịch sử

Bước vào thập kỉ 90, sau 5 năm thực hiện đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nhân dân ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên mọi lĩnh vực. Thành phần kinh tế quốc doanh nắm giữ những bộ phận then chốt, có vai trò chi phối nền kinh tế, có tác dụng điều tiết thị trường và giá cả ở một mức độ nhất định. Tuy nhiên, điểm yếu nhất của kinh tế quốc doanh là hiệu quả hoạt động nhìn chung còn thấp. Một bộ phận khá lớn công nghiệp quốc doanh, trong đó có Nhà máy Diesel Sông Công, đang rất khó khăn. Vấn đề đặt ra là phải được sắp xếp lại, đổi mới công nghệ và tổ chức quản lí, kinh doanh có hiệu quả.

Nhận thức rõ điều ấy, ngày 21/12/1990, Quốc hội (khóa VIII) ban hành *Luật Công ty số 47-LCT/HĐNN8* và *Luật Doanh nghiệp tư nhân số 48-LCT/HĐNN8*, có hiệu lực từ ngày 15/4/1991. Bên cạnh các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp có vốn tư nhân và vốn nước ngoài có cơ sở pháp lí hoạt động. Môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp bắt đầu hình thành.

Ngày 20/11/1991, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 388-HĐBT ban hành Quy chế về thành lập và giải thể doanh nghiệp nhà nước. Theo đó, tất cả các doanh nghiệp nhà nước do Trung ương và địa phương trực tiếp quản lí phải làm lại thủ tục thành lập và đăng kí kinh doanh theo Quy chế này. Ngày 22/5/1993, Nhà máy Diesel Sông Công được thành lập lại theo Quyết định số 286/QĐ-TCNSĐT của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng.

Ngày 7/3/1994, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 90-TTg về tiếp tục sắp xếp doanh nghiệp nhà nước. Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (VEAM) mà Nhà máy Diesel Sông Công là đơn vị thành viên thuộc đối tượng điều chỉnh của Quyết định này.

Ngày 20/2/1995, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng ra Quyết định số 126/QĐ-TCCBĐT thành lập lại Nhà máy và đổi tên thành Công ty Diesel Sông Công, có tên viết tắt là DISOCO.

Ngày 20/4/1995, Quốc hội (khóa IX) ban hành *Luật Doanh nghiệp nhà nước số 39-L/CTN*. Điều 1 Luật này ghi rõ: *Doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế do Nhà nước đầu tư vốn, thành lập và tổ chức quản lí, hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động công ích, nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội do Nhà nước giao*. Điều 2 quy định: *Luật này áp dụng đối với doanh nghiệp nhà nước tổ chức dưới hình thức doanh nghiệp độc lập, tổng công ty, doanh nghiệp thành viên của tổng công ty và quản lí phần vốn của Nhà nước đầu tư ở các doanh nghiệp* [43]. Đơn vị thành viên của tổng công ty nhà nước có con dấu, được mở tài khoản tại ngân hàng phù hợp với phương thức hạch toán của tổng công ty nhà nước. Đơn vị thành viên hạch toán độc lập có điều lệ riêng do Hội đồng Quản trị tổng công ty phê chuẩn phù hợp với các quy định của Luật này và điều lệ tổng công ty nhà nước. DISOCO là đơn vị thành viên trực thuộc tổng công ty nhà nước.

Ngày 27/10/1995, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng có quyết định thành lập lại Tổng Công ty VEAM, trong đó DISOCO là một đơn vị thành viên.

2.2.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhà máy

Kết thúc giai đoạn 1986 - 1990, Nhà máy Diesel Sông Công vừa mới hoàn thành quá trình xây dựng công trình và vận hành các công đoạn sản xuất đầy đủ, đã đối mặt ngay với vấn đề đầu ra của sản phẩm. Việc bao tiêu sản phẩm của thời kỳ bao cấp đã không còn. Nhu cầu động cơ D50L lắp trên các máy kéo 4 bánh giảm hẳn do mô hình hợp tác xã sản xuất tập trung đã chuyển hướng sang khoán hộ. Sản xuất động cơ D50L giảm hẳn từ năm 1994. Các động cơ nhiều xi lanh tiêu thụ chủ yếu cho máy thủy.

Trước tình hình đó, dự án động cơ xăng IM350 (Italia) 8 mã lực được đưa vào đầu tư theo dự án vay vốn ODA. Thời kỳ đầu, sản phẩm được tiêu thụ khá tốt. Tuy nhiên, ngay sau đó lượng tiêu thụ IM350 giảm hẳn vì tiêu hao nhiên liệu khá lớn so với các mẫu động cơ của Nhật Bản [52].

Động cơ diesel nhỏ 1 xi lanh (TS) theo mẫu động cơ Yanmar được đưa vào chế tạo phục vụ nhu cầu xuất khẩu (chủ yếu thị trường Indonesia). Việc sản xuất này khá thuận lợi vì trước đó hầu hết linh kiện động cơ đã được sản xuất cung cấp cho Công ty VINAPPRO (cùng trong Tổng Công ty VEAM).

Sản xuất thép xây dựng được đẩy mạnh khi tận dụng 2 lò hồ quang 6T. Hệ thống cán thép mini được Nhà máy tự thiết kế chế tạo để sản xuất các loại thép xây dựng. Sản xuất thép khá thuận lợi vì nhu cầu thép xây dựng bùng nổ khi đó. Năm 1993, Nhà máy đạt doanh thu kỉ lục, với doanh thu thép xây dựng chiếm hơn 80% tổng doanh thu.

Giai đoạn này, nhiều loại phụ tùng được đưa vào chế tạo đáp ứng nhu cầu của nhiều ngành kinh tế. Điển hình là xích neo đúc 64mm, neo 10T cho Vietsopetro, các xi lanh cỡ lớn đường kính đến 400 - 500mm dùng cho sửa chữa các động cơ tàu thủy lớn, nhà máy điện (Chợ Quán), bi đạn nghiền, tấm lót cho ngành xi măng, lắp ráp thay thế động cơ xăng của các ô tô ZIL bằng động cơ diesel do Nhà máy chế tạo.

Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn 1991 - 1995 về sản phẩm và doanh thu khá đa dạng và cũng nhiều biến động (*Bảng 2.5*).

Bảng 2.5. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1991 - 1995

TT	Chỉ tiêu	Đvt	1991	1992	1993	1994	1995
A	Giá trị TSL	tỉ đ	11,8	17,3	24,2	23,6	30,9
I	Sản xuất cơ khí	tỉ đ	5,5	6,3	7,0	8,7	13,6
1	Động cơ D50, D50L	cái	27	200	224	22	32
2	Động cơ D242, DSC80	cái	21	51	7	18	31
3	Máy thủy DT55	cái				98	74
4	Máy thủy DT60, DT80	cái	6	20		32	85
5	Hộp số thủy	cái			125	64	47
6	Động cơ nhỏ các loại	cái	40				15
7	Động cơ IM350	cái			11	882	289
8	Phụ tùng động cơ	tỉ đ	1,7	1,3	2,1	3,1	6,1
9	Phụ tùng các ngành khác	tỉ đ	2,7	3,3	3,8	2,8	4,8
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ			0,8	4,1	7,7
1	Phụ tùng xuất khẩu	tỉ đ			0,8	4,1	6,9
2	Động cơ TS60	cái				20	583
3	Động cơ TS130	cái					30
III	Sản xuất thép	tỉ đ	6,3	10,7	14,1	7,8	8,3
1	Thép thỏi	tấn	4.548	13.835	19.719	9.799	9.428
2	Thép cán các loại	tấn	3.484	8.638	8.501	5.769	7.184
B	Tổng doanh thu	tỉ đ	19,3	43,1	66,0	47,1	54,6
I	Sản phẩm cơ khí	tỉ đ	5,7	8,0	11,1	12,8	14,7
1	Động cơ D50, D50L	cái	158	189	168	64	32
2	Động cơ D242, DSC80, D245	cái	37	27	15	14	22
3	Máy thủy DT55	cái	8		67	127	62
4	Máy thủy DT60, DT80	cái		31	41	33	74
5	Hộp số thủy	cái		1	16	25	33
6	Động cơ nhỏ các loại	cái	39	2			
7	Động cơ IM350	cái			85	1.035	235
8	Phụ tùng động cơ	tỉ đ	1,3	1,6	1,9	3,2	6,2
9	Phụ tùng các ngành khác	tỉ đ	2,4	3,9	5,2	2,7	3,5
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ			1,1	4,1	7,7
	(Tính bằng ngoại tệ)	tr.\$			0,12	0,37	0,70
1	Phụ tùng xuất khẩu	tỉ đ			1,1	4,1	6,9
2	Động cơ TS60	cái				20	553
3	Động cơ TS130	cái					30
III	Sản phẩm thép	tỉ đ	13,6	35,1	53,8	30,2	32,2
1	Thép thỏi và phôi thép	tấn	2.461	3.607	9.010	3.569	2.002
2	Thép cán các loại	tấn	3.779	8.170	8.388	5.733	7.476

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh DISOCO 1991 - 1995)

Những năm 1991 - 1995 là giai đoạn đầy khó khăn khi Nhà máy Diesel Sông Công (từ tháng 2/1995 là Công ty Diesel Sông Công) phải tìm hướng đi mới của sản phẩm để tồn tại. Tổ chức sản xuất thép đã giúp cho DISOCO lập kỉ lục về doanh thu tiêu thụ năm 1993, đạt ~66 tỉ đồng. Hoạt động sản xuất thép trong thời gian này có ý nghĩa quan trọng, không chỉ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước, mà còn đảm bảo công ăn việc làm cho hơn 1.000 lao động.

Cũng trong giai đoạn này, các sản phẩm mới như động cơ diesel nhỏ 6 đến 13 mã lực, động cơ xăng 8 mã lực và hàng loạt sản phẩm phụ tùng khác được đưa vào nghiên cứu sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường mà trước đó sản xuất trong nước chưa thể đáp ứng.

Lực lượng lao động của Nhà máy trong những năm 1991 - 1995 đạt số lượng kỉ lục và sau đó bắt đầu thời kì giảm dần về số lượng.

Bảng 2.6. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 1991 - 1995

Lao động	1991	1992	1993	1994	1995
Tổng số (người)	1.577	1.643	1.693	1.613	1.590
- Khối xưởng	1.200	1.270	1.331	1.281	1.267
- Khối phòng	377	373	362	332	323
<i>Lương b/quân (tr.đ)</i>	<i>0,21</i>	<i>0,34</i>	<i>0,44</i>	<i>0,39</i>	<i>0,47</i>

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động thực tế tại Nhà máy 1991 - 1995)

Tháng 9/1995, Công ty Diesel Sông Công bắt đầu liên doanh với tập đoàn ô tô Ford Hoa Kỳ để thành lập Công ty Ford Việt Nam tại địa bàn huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Cùng với hoạt động xuất khẩu sản phẩm từ năm 1993, hoạt động hợp tác liên doanh mở ra thời kì hoạt động vươn ra khỏi phạm vi trong nước của DISOCO.

Từ năm 1996 trở đi, môi trường pháp lí của hoạt động doanh nghiệp tiếp tục được điều chỉnh. Ngày 10/5/1997, Quốc hội (khóa IX) ban hành *Luật Thuế giá trị gia tăng số 57/1997/L-CTN* có hiệu lực từ ngày 1/1/1999. Mức thuế suất 10% đối với sản phẩm cơ khí được áp dụng, hầu hết các doanh nghiệp gặp khó khăn khi phải xác lập lại mặt bằng giá cả, cân đối doanh thu - chi phí.

Tiếp theo, ngày 12/6/1999, Quốc hội (khóa X) ban hành *Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10* có hiệu lực từ 1/1/2000. Luật này thay thế *Luật Công ty, Luật Doanh nghiệp tư nhân* ngày 21/12/1990, quy định rõ: Các doanh nghiệp nhà nước khi được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn thì được điều chỉnh theo Luật này. Tuy nhiên, các chính sách đổi mới sắp xếp doanh nghiệp chưa có tác động đến các doanh nghiệp có quy mô khá lớn như DISOCO.

Đó là cơ sở pháp lý mới cho sự hoạt động của Công ty Diesel Sông Công trong những năm 1996 - 2000. Trong cơ cấu sản phẩm của DISOCO thời gian này, thép xây dựng vẫn chiếm tỉ trọng cao từ trên 50% đến xấp xỉ 70% tổng doanh thu của Công ty [11]. Sản phẩm cơ khí mặc dù đa dạng chủng loại, nhưng số lượng mỗi loại không nhiều (*Bảng 2.7*). Ngay cả động cơ diesel nhỏ số lượng mỗi năm cũng chỉ hơn 2.000 chiếc, chủ yếu là xuất khẩu. Động cơ xăng IM350 gần như không tiêu thụ được. Các loại động cơ lớn chỉ còn phục vụ nhu cầu lắp máy thủy và thay thế động cơ xăng của ô tô tải. Từ năm 1999, Công ty phát triển thêm mặt hàng hộp số nhỏ, cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại đã có sẵn trên thị trường.

Bảng 2.7. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 1996 - 2000

TT	Chỉ tiêu	Đvt	1996	1997	1998	1999	2000
A	Giá trị TSL	tỉ đ	59,2	62,0	63,5	50,9	57,2
I	Sản xuất cơ khí	tỉ đ	16,7	15,4	16,3	17,2	18,7
1	Động cơ D50, D50L	cái	107	29	36	13	15
2	Động cơ D242, DSC80	cái	32	26	10	5	18
3	Máy thủy DT55	cái	23	41	25	12	16
4	Máy thủy DT60, DT80	cái	18	17	35	12	25
5	Hộp số thủy	cái	35	26	27	6	3
6	Hộp số các loại	cái				2.349	5.837
7	Động cơ nhỏ các loại	cái	18		1	260	121
8	Động cơ IM350	cái	2				
9	Phụ tùng động cơ	tỉ đ	7,2	4,8	6,1	9,9	8,9
10	Phụ tùng các ngành khác	tỉ đ	5,9	3,4	8,0	5,4	4,5

TT	Chỉ tiêu	Đvt	1996	1997	1998	1999	2000
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	9,4	7,5	3,8	3,3	5,5
1	Phụ tùng xuất khẩu	tỉ đ	6,5	4,7	2,5	2,3	3,8
2	Động cơ TS60	cái	1.609	2.082	617	493	1.119
3	Động cơ TS105	cái	127	189	141	19	42
4	Động cơ TS130	cái	96	2	265		60
5	Bơm nước	cái	500				
III	Sản xuất thép	tỉ đ	31,2	35,4	38,1	25,8	29,5
1	Thép thỏi	tấn	9.573	11.271	9.093	5.467	7.055
2	Thép cán các loại	tấn	8.560	9.027	11.198	7.573	8.683
B	Tổng doanh thu	tỉ đ	56,1	58,8	61,8	47,0	56,4
I	Sản phẩm cơ khí	tỉ đ	14,5	10,9	16,9	18,2	20,0
1	Động cơ D50, D50L	cái	45	22	22	13	13
2	Động cơ D242, DSC80	cái	31	27	9	5	18
3	Máy thủy DT55	cái	23	39	23	12	16
4	Máy thủy DT60, DT80	cái	23	15	38	11	32
5	Hộp số thủy	cái	28	15	17	8	32
6	Hộp số các loại	cái				1.843	5.515
7	Động cơ nhỏ các loại	cái	17		32	340	146
8	Động cơ IM350	cái	25			37	
9	Phụ tùng động cơ	tỉ đ	7,5	4,8	6,1	9,9	8,6
10	Phụ tùng các ngành khác	tỉ đ	2,6	3,5	8,0	4,5	4,4
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	9,1	8,5	2,7	3,1	5,1
	<i>(Tính bằng ngoại tệ)</i>	<i>tr.\$</i>	<i>0,82</i>	<i>0,73</i>	<i>0,21</i>	<i>0,22</i>	<i>0,36</i>
1	Phụ tùng xuất khẩu	tỉ đ	6,6	5,1	2,1	2,5	2,7
2	Động cơ TS60	cái	1.512	2.092	210	456	981
3	Động cơ TS105	cái	127	159	38	105	77
4	Động cơ TS130	cái	94	2	58		25
5	Bơm nước	cái	450	34			
6	Máy nén khí 2 xi lanh	cái	10				
7	Động cơ KND5B	cái		60			
III	Sản phẩm thép	tỉ đ	32,5	39,5	42,2	25,6	30,2
1	Thép thỏi	tấn	725	1.704	4	4	
2	Thép cán các loại	tấn	8.396	9.226	10.985	7.450	8.955

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh DISOCO 1996 - 2000)

Trước năm 1997, kết quả hạch toán kinh doanh cho thấy Công ty bắt đầu bị lỗ, mất cân đối tài chính, dòng tiền thâm hụt khi không thể tăng số dư vay nợ ngân hàng. Năm 1997, Công ty lâm vào tình trạng nguy hiểm về cân đối tài chính, nợ lương công nhân viên (nhiều tháng chỉ có lương tạm ứng), nợ đóng BHXH (lúc đỉnh điểm bằng hơn 2 năm đóng BHXH), nợ tiền điện, tiền nước (bị điện lực cắt điện) [112]. Cùng năm này, Công ty tiếp tục đầu tư một máy cán bán tự động thay thế tất cả các máy cán thủ công.

Năm 1999, doanh thu của Công ty giảm 14% so với năm trước đó, một phần do ảnh hưởng của Luật Thuế VAT (phần thuế không được tính vào doanh thu như khi còn tính thuế doanh thu), một phần do khó khăn về thị trường. Lao động của Công ty trong những năm 1996 - 2000 có xu hướng giảm từng năm để phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh, khi không còn nhiệm vụ sản xuất động cơ D50L theo như thiết kế dự án (Bảng 2.8).

Bảng 2.8. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 1996 - 2000

Lao động	1996	1997	1998	1999	2000
Tổng số (người)	1.600	1.537	1.495	1.395	1.366
- Khối xưởng	1.275	1.231	1.215	1.150	1.094
- Khối phòng	325	306	280	245	272
<i>Lương b/quân (tr.đ)</i>	<i>0,49</i>	<i>0,51</i>	<i>0,49</i>	<i>0,44</i>	<i>0,53</i>

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động thực tế tại Công ty giai đoạn 1996 - 2000)

Từ năm 1996 đến năm 2000 là thời gian DISOCO gặp nhiều khó khăn do phải thực sự cạnh tranh trên thị trường. Tất cả các ưu thế về nguồn vật tư dự trữ, năng lực thiết bị công nghệ, nhân lực dồi dào đã không còn tính cạnh tranh khi môi trường sản xuất kinh doanh ngày càng sôi động. Mô hình quản lý của thời kì kế hoạch tập trung chậm phản ứng trong cơ chế thị trường, quản lý hạch toán kinh tế không đảm bảo thông tin kịp thời. Chính vì vậy, thời gian này Công ty đã tập trung tăng cường các biện pháp quản lý, với một số kết quả điển hình như sau:

- Tổ chức quản lý chặt chẽ chi phí, đặc biệt là các chi phí mua vật tư đầu vào, chi phí trong quá trình sản xuất. Ngay trong năm 1998, bằng các biện pháp

quản lí, Công ty đạt doanh thu cao gần 70 tỉ đồng, cân đối được tài chính, thanh toán được các khoản nợ tồn đọng từ nhiều năm trước.

- Tăng cường thông tin và minh bạch thông tin. Mặc dù ở địa bàn Thái Nguyên, khả năng tiếp cận tin học hạn chế, Công ty đã cố gắng trang bị một số máy tính, tự lập trình quản lí kế toán, vật tư, bán hàng, trang bị công nghệ. Nhờ tăng cường thông tin, việc quản lí chi phí đã trở nên thuận lợi, kịp thời, chính xác.

- Năm 1999, Công ty tổ chức chương trình học tập 7 công cụ quản lí chất lượng, thực hành 5S (với sự trợ giúp của tổ chức AOTS của Nhật Bản, do các chuyên gia Nhật Bản hướng dẫn). Các khái niệm về quản lí hệ thống được bắt đầu hình thành trước khi Công ty xây dựng hệ thống quản lí theo tiêu chuẩn ISO9000. Đặc biệt hoạt động 5S đã thay đổi toàn diện chỗ làm việc, đảm bảo chỗ làm việc an toàn, hiệu quả, năng suất cao hơn.

- Ban hành một loạt các quy định về quản lí, nhằm chuẩn hóa mọi lĩnh vực hoạt động của Công ty. Đây cũng là nền móng để Công ty tiếp tục xây dựng hệ thống quản lí trong giai đoạn tiếp theo.

2.3. Giai đoạn tìm hướng đi mới về sản phẩm (2001 - 2005)

2.3.1. Bối cảnh lịch sử

Năm 2001 là năm mở đầu thế kỉ XXI, đồng thời cũng là năm đầu tiên thực hiện Kế hoạch nhà nước 5 năm (2001 - 2005) do Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001) đề ra. Trong thời gian này, nhiều chính sách đối với doanh nghiệp cũng được ban hành.

Ngày 14/9/2001, căn cứ *Luật Doanh nghiệp* 1999, Chính phủ ra Nghị định số 63/2001/NĐ-CP về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước (và doanh nghiệp khác) thành công ty TNHH một thành viên.

Ngày 26/11/2003, Quốc hội (khóa XI) ban hành *Luật Doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11* có hiệu lực từ 1/7/2004, thay thế *Luật Doanh nghiệp nhà nước* ban hành năm 1999.

Ngày 28/1/2003, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 125/QĐ-TTg phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Tổng Công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà

nước thuộc Bộ Công nghiệp giai đoạn 2003 - 2005. Theo đó, Công ty Diesel Sông Công có kế hoạch chuyển đổi thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên trong năm 2005.

Ngày 1/12/2004, Bộ Công nghiệp có Quyết định số 148/2004/QĐ-BCN chuyển đổi Công ty Diesel Sông Công thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Diesel Sông Công. DISOCO là thành viên của Tổng Công ty nhà nước nhưng hoạt động theo *Luật Doanh nghiệp* (1999) sau khi chuyển đổi. Hội đồng Quản trị Tổng Công ty nhà nước là đại diện chủ sở hữu.

Ngày 31/3/2004, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp ra Chỉ thị số 09/2004/CT-BCN yêu cầu đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần NQTW 3, NQTW 9 (khóa IX) của Đảng và tổ chức triển khai thực hiện *Luật Doanh nghiệp nhà nước*.

Ngày 3/1/2005, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty VEAM ban hành Điều lệ DISOCO. DISOCO có vốn điều lệ 351,387 tỉ đồng (trong đó phần vốn góp liên doanh có giá trị 198 tỉ đồng) [58].

Ngày 29/11/2005, Quốc hội (khóa XI) ban hành *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11* có hiệu lực từ 1/7/2006. Luật này thay thế *Luật Doanh nghiệp* năm 1999, *Luật Doanh nghiệp nhà nước* năm 2003. Trong thời hạn 4 năm kể từ ngày Luật này có hiệu lực, các công ty nhà nước thành lập theo quy định của *Luật Doanh nghiệp nhà nước* 2003 phải hoàn thành chuyển đổi thành công ty TNHH hoặc công ty cổ phần.

Qua đó cho thấy, đây là giai đoạn chuyển động mạnh mẽ về các chính sách vĩ mô, nhằm tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển. Chính vì vậy, DISOCO đã tích cực trong việc chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên trước một năm so với kế hoạch.

2.3.2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Diesel Sông Công

Giai đoạn 2001 - 2005, Công ty vẫn duy trì sản xuất thép với doanh thu ~50% tổng doanh thu. Sản xuất cơ khí được đẩy mạnh, trong đó đáng chú ý là sản xuất hộp số dùng cho máy móc phục vụ nuôi trồng thủy sản và đẩy mạnh sản xuất phụ tùng.

Động cơ nhỏ tiếp tục sản xuất, nhưng đã không sản xuất mẫu động cơ TS vì thị trường xuất khẩu không còn (không cạnh tranh được với động cơ TQ). Công ty chuyển sang sản xuất động cơ mẫu TQ để cạnh tranh với chính sản phẩm của TQ nhưng tiêu thụ không đáng kể.

Sản xuất phụ tùng được đẩy mạnh trong đó có phụ tùng động cơ, đã góp phần đáng kể cho việc tăng sản lượng động cơ, máy xay xát của các công ty VIKYNO, VINAPPRO (trong Tổng Công ty VEAM).

Năm 2005 đánh dấu việc đầu tư dây chuyền rèn trục khuỷu xe máy Honda theo công nghệ Nhật Bản, mở đầu cho thời kì phát triển mạnh mẽ công nghiệp phụ trợ. Cùng thời gian này, Công ty đã tiến hành di dời lò 6T thành lập Xưởng Đúc 2, mở ra hướng phát triển sản xuất đúc.

Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn này có sự tăng trưởng đều hằng năm và tăng mạnh so với giai đoạn 5 năm trước, nhưng vẫn ở mức thấp (Bảng 2.9).

Bảng 2.9. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 2001 - 2005

TT	Chỉ tiêu	Đvt	2001	2002	2003	2004	2005
A	Giá trị TSL	tỉ đ	63,8	72,9	90,3	101,7	106,1
I	Sản xuất cơ khí	tỉ đ	31,9	39,2	47,1	51,8	44,3
1	Động cơ D50/242, DSC80	cái	18	23	6		
2	Máy thủy DT55/60/80	cái	189	180	26	13	17
3	Hộp số các loại	cái	12.129	17.222	42.660	35.769	21.494
4	Động cơ nhỏ các loại	cái	1.268	1.308	675	1.269	450
5	Phụ tùng động cơ, máy nông nghiệp	tỉ đ	8,0	11,3	13,8	16,4	15,3
6	Phụ tùng khác	tỉ đ	5,9	7,1	8,0	10,2	13,6
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	4,5	3,5	4,3	2,1	4,4
1	Phụ tùng xuất khẩu	tỉ đ	3,9	3,2	3,7	2,1	4,4
III	Sản xuất thép	tỉ đ	22,7	29,1	37,1	46,4	51,6
1	Thép thỏi	tấn	6.880	8.297	10.331	9.865	9.912
2	Thép cán các loại	tấn	6.666	8.545	9.399	9.289	8.064

TT	Chỉ tiêu	Đvt	2001	2002	2003	2004	2005
B	Tổng doanh thu	tỉ đ	61,0	71,3	90,2	100,3	99,2
I	Sản phẩm cơ khí	tỉ đ	33,2	38,2	41,2	41,0	39,6
1	Động cơ D50/242, DSC80	cái	18	16	6	5	12
2	Máy thủy DT55/60/80	cái	188	173	19	7	5
3	Hộp số các loại	cái	12.563	17.579	41.705	31.284	22.120
4	Động cơ nhỏ các loại	cái	759	510	538	150	434
5	Phụ tùng động cơ, máy nông nghiệp	tỉ đ	7,8	10,0	10,1	13,0	12,0
6	Phụ tùng khác	tỉ đ	5,6	5,5	4,8	7,3	10,9
III	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	4,2	2,4	3,6	1,8	4,0
	<i>(Tính bằng ngoại tệ)</i>	tr.\$	<i>0,28</i>	<i>0,16</i>	<i>0,23</i>	<i>0,11</i>	<i>0,26</i>
1	Phụ tùng xuất khẩu	tỉ đ	3,0	1,8	2,8	1,8	4,0
II	Sản phẩm thép	tỉ đ	23,2	30,0	44,7	56,3	52,7
1	Thép thời	tấn			410	32	689
2	Thép cán các loại	tấn	6.515	8.116	9.744	9.047	7.789
C	Doanh thu liên doanh	tỉ đ		24,5	35,9	28,1	34,2

* Ghi chú: Trong giá trị tổng sản lượng và tổng doanh thu có sản phẩm khác và doanh thu khác không thuộc các loại sản phẩm, hàng hóa trong bảng (ví dụ, sản xuất trang bị công nghệ, bán phế liệu).

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh DISOCO 2001 - 2005)

Lao động của Công ty giai đoạn 2001 - 2005 có xu hướng giảm mạnh, tỉ lệ nghịch với tăng doanh thu. Năng suất lao động được tăng lên, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng theo (Bảng 2.10).

Bảng 2.10. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 2001 - 2005

Lao động	2001	2002	2003	2004	2005
Tổng số (người)	1.319	1.269	1.253	1.252	1.010
- Khôi xương	1.053	995	985	955	835
- Khôi phòng	266	274	268	297	175
Lương b/quản (tr.đ)	0,61	0,89	1,06	1,08	1,19

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động thực tế tại Công ty giai đoạn 2001 - 2005)

Có thể nói, giai đoạn 2001 - 2005 là giai đoạn bước ngoặt của DISOCO chuẩn bị cho giai đoạn phát triển mới. Sản xuất động cơ thu hẹp dần, sản xuất phụ tùng, linh kiện được đẩy mạnh trong xu thế phát triển công nghiệp phụ trợ đáp ứng nhu cầu sản phẩm cơ khí đang phát triển mạnh mẽ trong nước và xuất khẩu. Việc đầu tư dây chuyền rèn trục khuỷu sử dụng công nghệ của Nhật Bản là bước đi kịp thời, nắm bắt thời cơ nhu cầu thị trường. Việc cải tạo mạnh mẽ xưởng Đúc là tiền đề cho việc phát triển sản xuất đúc trong giai đoạn tiếp theo. Trong giai đoạn này, Công ty đã xây dựng thành công hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9000 (năm 2002), thể hiện sự nhạy bén trong tư duy quản lý.

2.4. Giai đoạn phát triển mạnh mẽ, đạt tới đỉnh cao (2006 - 2016)

2.4.1. Bối cảnh lịch sử

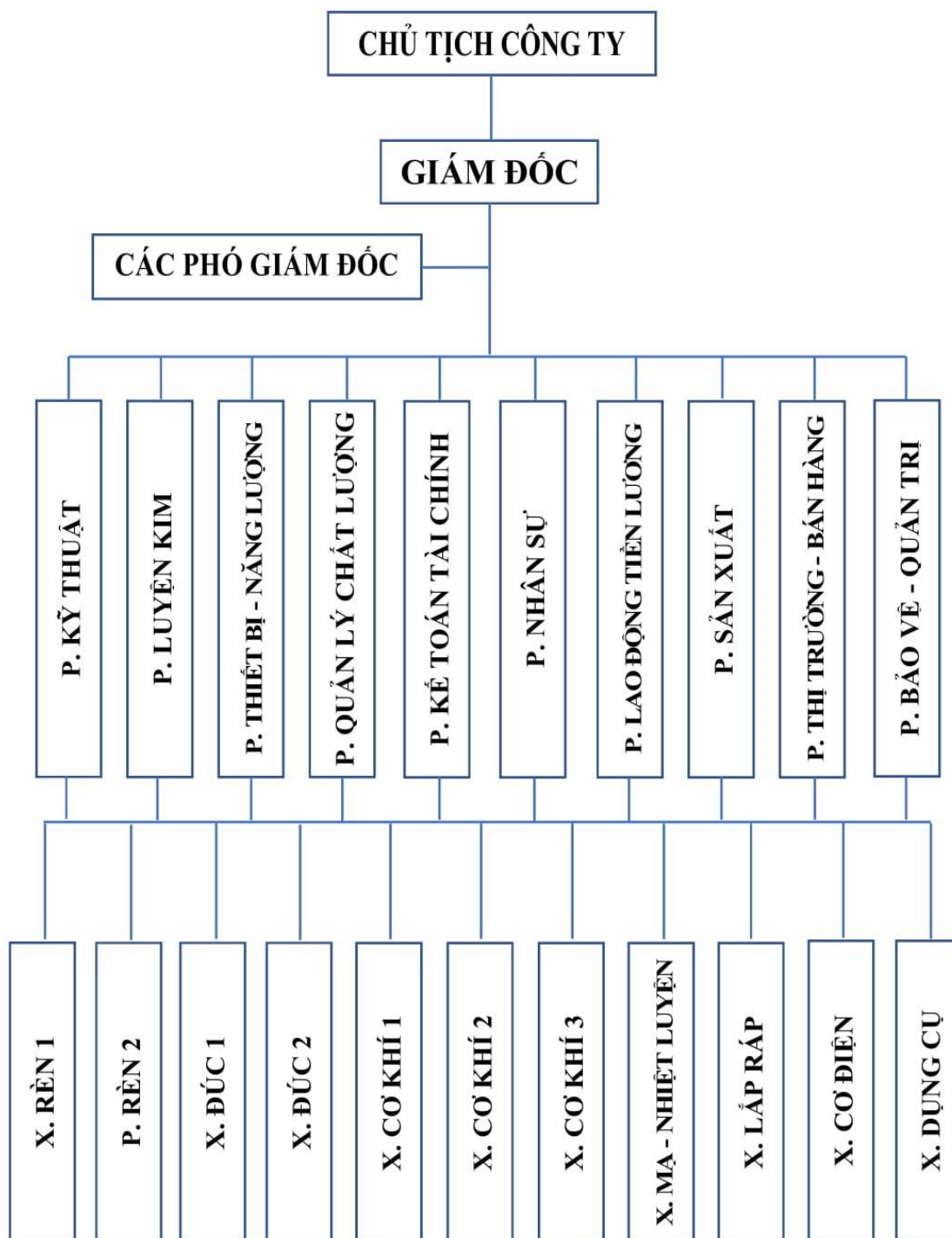
Bước vào năm 2006, sau 20 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nền kinh tế đã vượt qua thời kì suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, phát triển tương đối toàn diện. Sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN được đẩy mạnh. Văn hóa và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện. Tình hình chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới...

Năm 2006 cũng là năm các doanh nghiệp bắt đầu hoạt động trong môi trường pháp lý mới khi *Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11* có hiệu lực từ 1/7/2006. Tuy nhiên, đến ngày 25/6/2010, Bộ Công Thương mới có Quyết định số 3367/QĐ-BCT chuyển Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp sang hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con (tên gọi mới là Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam). DISOCO trở thành công ty con do công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ.

2.4.2. Hoạt động sản xuất, kinh doanh

Trong giai đoạn này, bộ máy tổ chức của Công ty từng bước được hoàn thiện phù hợp với mô hình quản trị tiên tiến. Bộ máy của các phòng đã chuyên sâu về các chức năng, gồm có 10 phòng: Kỹ thuật, Luyện kim, Quản lý chất

lượng, Thiết bị - Năng lượng, Sản xuất, Thị trường - Bán hàng, Nhân sự, Lao động - Tiền lương, Kế toán - Tài chính, Bảo vệ - Quản trị. Khu vực sản xuất được bố trí thành 11 xưởng chuyên về công nghệ, hoặc chuyên về sản phẩm, hoặc chức năng phục vụ.



Sơ đồ 2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty Diesel Sông Công 2016

* Các bộ phận quản lý trong Công ty đều được phân rõ chức năng cụ thể:

- Chủ tịch Công ty: Là chức danh quản lý do Chủ sở hữu (Công ty mẹ VEAM) bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về bảo toàn và phát triển vốn do Công ty mẹ đầu tư tại Công ty. Chủ tịch Công ty có quyền bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty sau khi có sự chấp thuận của Chủ sở hữu.

- Giám đốc: Có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cao nhất trước pháp luật và trước chủ sở hữu trong việc điều hành mọi hoạt động của Công ty; chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Giám đốc là người đề ra chiến lược, kế hoạch triển khai mang tính tổng quát, quyết định sự vận hành của Công ty; trực tiếp chỉ đạo công tác tổ chức cán bộ, tài chính, lao động tiền lương; chịu trách nhiệm về xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh, quyết định phương án đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu sau khi các kế hoạch được Chủ tịch Công ty trình và Chủ sở hữu phê duyệt hàng năm; kí kết các hợp đồng nhân danh Công ty.

- Các Phó Giám đốc: Có trách nhiệm thực hiện điều hành các lĩnh vực chuyên môn khác nhau do Giám đốc phân công và ủy quyền. Các lĩnh vực phân công phụ trách được luân chuyển giữa các Phó Giám đốc. Đây cũng là một phương pháp đào tạo hữu hiệu, đảm bảo tính kế thừa liên tục trong công tác lãnh đạo.

- Trợ lý Giám đốc: Có nhiệm vụ giúp việc Giám đốc trong những công việc hoặc lĩnh vực điều hành cụ thể. Chức danh trợ lý không cố định và tùy nhu cầu trong từng giai đoạn cụ thể, có ý nghĩa quan trọng trong công tác đào tạo lãnh đạo Công ty.

- Các phòng chức năng: Bao gồm các phòng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đồng bộ, hiệu quả từ quá trình đầu vào của chu trình sản xuất, đến đầu ra của sản phẩm. Hoạt động của các phòng có thể phân theo các khối và tùy từng thời kì, số lượng các phòng cũng như chức năng cụ thể có những thay đổi cần thiết.

+ Khối Kỹ thuật bao gồm các phòng: Luyện kim, Quản lý chất lượng, Thiết bị - Năng lượng. Nhiệm vụ của khối Kỹ thuật là đảm bảo các hoạt động thiết kế, công nghệ sản xuất, đảm bảo chất lượng, đảm bảo vận hành của hệ thống thiết bị năng lượng để quá trình sản xuất làm ra sản phẩm đáp ứng yêu cầu của khách hàng cả về chất lượng, thời gian giao hàng và giá thành.

+ Khối Kinh doanh bao gồm các phòng: Sản xuất và Thị trường - Bán hàng. Nhiệm vụ của các phòng này là tìm kiếm khách hàng, kí hợp đồng, lập kế hoạch sản xuất, điều độ sản xuất, mua vật tư, nguyên vật liệu, tiêu thụ hàng hóa, thu tiền.

+ Khối Nghiệp vụ bao gồm các phòng: Kế toán - Tài chính, Nhân sự, Lao động - Tiền lương, Bảo vệ - Quản trị. Tùy theo yêu cầu của Công ty trong từng giai đoạn, các phòng (trừ Phòng Kế toán - Tài chính) có thể chia tách hoặc gộp các chức năng và quyết định số lượng cán bộ, nhân viên.

Nhiệm vụ của khối Nghiệp vụ là đảm bảo đáp ứng yêu cầu về nhân sự hiện tại cũng như lâu dài; đảm bảo việc trả lương và chăm lo quyền lợi người lao động; đảm bảo công tác kế toán kịp thời, đúng pháp luật, đưa ra những thông tin hữu hiệu cho hiệu quả điều hành; đảm bảo các công tác về văn phòng, an ninh trật tự, quản trị trong Công ty.

- Các xưởng sản xuất: Có nhiệm vụ sản xuất trực tiếp sản phẩm theo các mục tiêu kinh doanh của Công ty. Ngoài các xưởng trực tiếp sản xuất còn có xưởng làm công tác phục vụ. Tùy theo từng giai đoạn, số lượng các xưởng và bố trí hoạt động cụ thể cũng có những thay đổi nhất định. Các xưởng tùy theo tính chất từng xưởng và khối lượng công việc mà bố trí làm việc theo giờ hành chính, hoặc sản xuất 1 ca, 2 ca, 3 ca.

+ Khối Rèn: Bao gồm Xưởng Rèn 1 và Xưởng Rèn 2. Đây là các xưởng gia công áp lực, tạo ra các phôi rèn cung cấp cho các xưởng gia công cơ hoặc giao hàng trực tiếp cho khách hàng.

+ Khối Đúc: Bao gồm Xưởng Đúc 1 và Xưởng Đúc 2. Đây là các xưởng tạo phôi đúc cung cấp cho các xưởng gia công cơ hoặc giao hàng trực tiếp cho khách hàng.

+ Khối Gia công cơ: Bao gồm các Xưởng Cơ khí 1, Xưởng Cơ khí 2, Xưởng Cơ khí 3. Đây là các xưởng gia công cơ từ phôi rèn, phôi đúc hoặc từ các vật tư khác. Sản phẩm gia công cơ có thể được lắp ráp thành thành phẩm tại Công ty hoặc giao trực tiếp cho khách hàng.

+ Xưởng Mạ - nhiệt luyện: Làm nhiệm vụ xử lý nhiệt (tôi, ram, ủ) các loại phôi hoặc các chi tiết trong quá trình gia công cơ; xử lý bề mặt như mạ, nhuộm đen, tẩy rửa.

+ Xưởng Lắp ráp: Trước đây xưởng thực hiện lắp ráp các loại động cơ, nhưng hiện tại chủ yếu là lắp ráp các loại hộp số và các sản phẩm có yêu cầu lắp cụm khác.

+ Xưởng Dụng cụ: Chủ yếu chế tạo các loại khuôn, mẫu, đồ gá cho các xưởng tạo phôi và các xưởng gia công. Ngoài ra, xưởng vẫn có thể tận dụng năng lực thiết bị để tham gia vào gia công các chi tiết hàng hóa.

+ Xưởng Cơ điện: Làm nhiệm vụ sửa chữa, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị trong Công ty, vận hành hệ thống cung cấp năng lượng (điện, nước, khí nén).

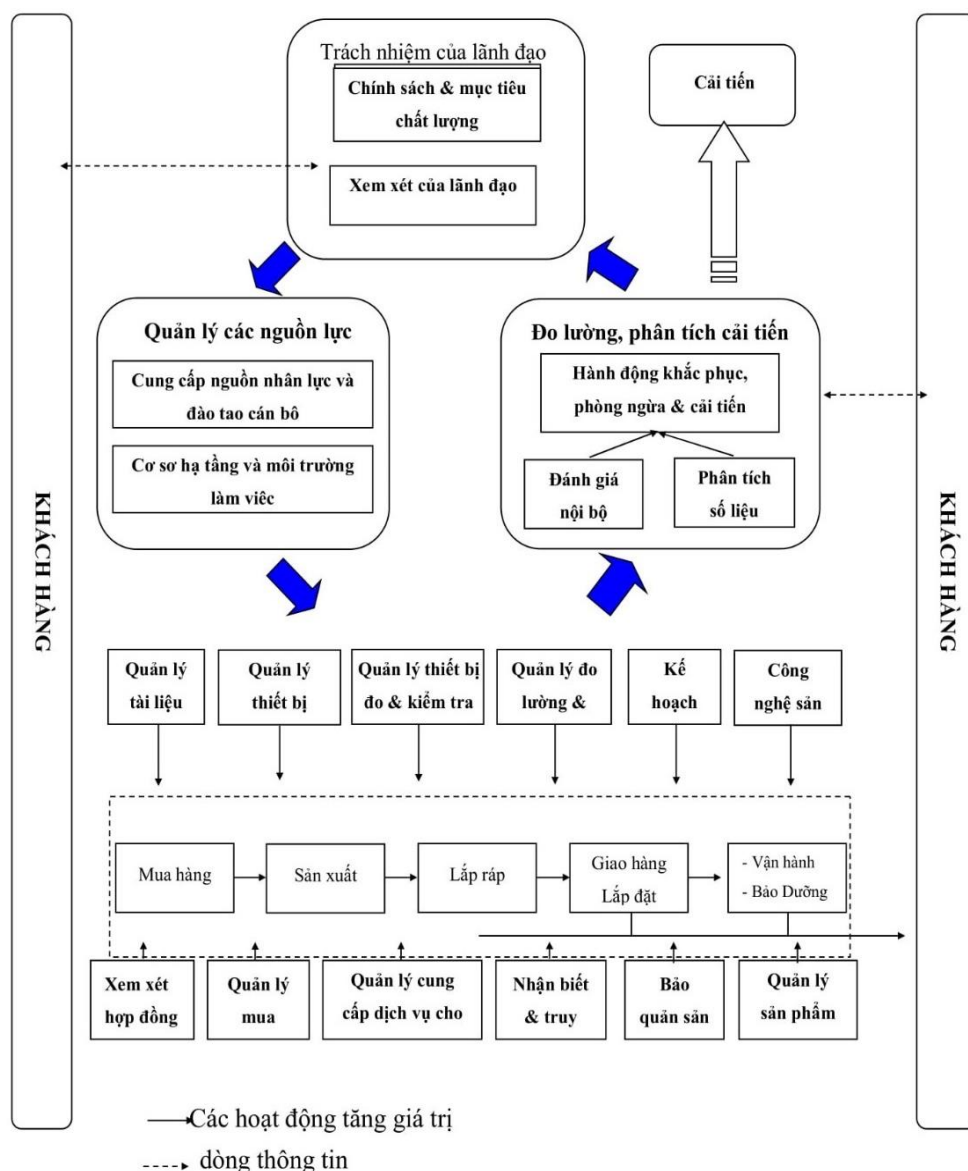
- Trong thời gian này, Công ty đã xây dựng và vận hành các hệ thống quản lý sau:

+ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO9001:2015 (Sơ đồ 2.2);

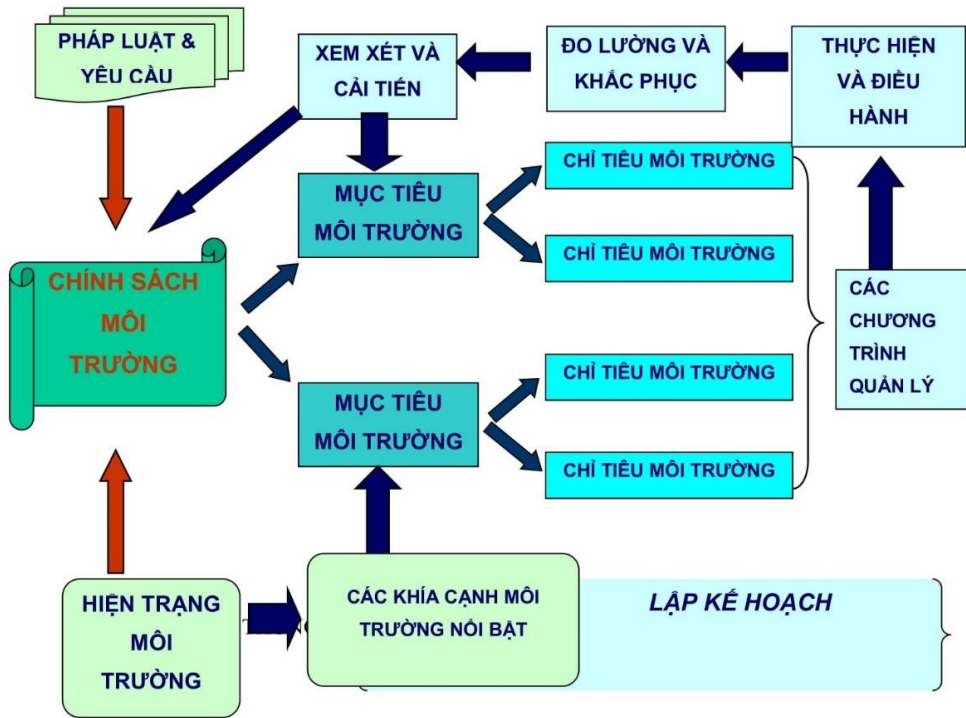
+ Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO14001:2015 (Sơ đồ 2.3);

+ Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO50001:2011 (Sơ đồ 2.4).

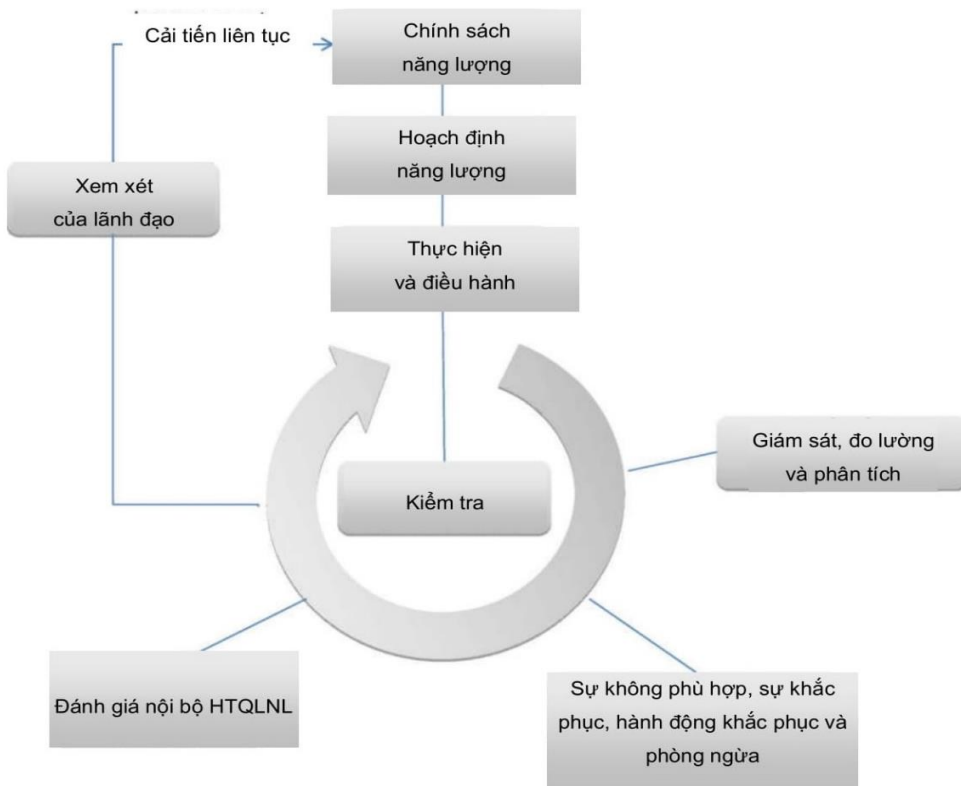
Ngoài ra, Công ty triển khai xây dựng Hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn IATF16949:2016 (do tổ chức *International Automotive Task Force* ban hành). Đây là tiêu chuẩn về các yêu cầu đối với hệ thống quản lý chất lượng, trong đó bao gồm yêu cầu đặc trưng cho ngành công nghiệp ô tô. Mục tiêu của tiêu chuẩn này là phát triển một hệ thống quản lý chất lượng, nhằm tới sự cải tiến liên tục, nhấn mạnh đến việc ngăn ngừa sai lỗi, giảm sự biến động và giảm lãng phí trong chuỗi cung cấp.



Sơ đồ 2.2. Hệ thống quản lý chất lượng theo ISO9001:2015



Sơ đồ 2.3. Mô hình Hệ thống quản lý môi trường theo ISO14001:2015



Sơ đồ 2.4. Mô hình Hệ thống quản lý năng lượng theo ISO50001:2011

Sự hoàn thiện bộ máy tổ chức là một trong những yếu tố quan trọng giúp cho Công ty thời gian này hoạt động có hiệu quả hơn các giai đoạn trước. Trong thời gian này, tốc độ tăng trưởng của Công ty đạt trung bình 30%/năm. Sản xuất cơ khí có doanh thu chiếm tỉ trọng vượt trội (Bảng 2.11). Trục khuỷu xe máy và hàng loạt sản phẩm của công nghiệp phụ trợ khác được đẩy mạnh. Năm 2009, Công ty phải đầu tư thêm một dây chuyền rèn trục khuỷu thứ hai mới đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng của thị trường xe máy.

Bảng 2.11. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 2006 - 2010

TT	Chỉ tiêu	Đvt	2006	2007	2008	2009	2010
A	Giá trị TSL	tỉ đ	150,7	197,6	298,6	352,7	434,4
I	Sản xuất cơ khí	tỉ đ	81,7	140,8	185,5	232,8	330,8
1	Máy thủy các loại	cái	12	10	9	8	8
2	Hộp số các loại	cái	11.004	24.919	13.295	18.476	35.579
3	Trục khuỷu xe máy	tr. cái	1,17	2,19	2,22	2,74	3,77
4	Phụ tùng các loại	tỉ đ	16,3	42,8	85,4	77,0	92,3
II	Sản xuất thép	tỉ đ	59,4	45,5	93,9	107,9	90,4
1	Thép thời 100x100	tấn	11.987	7.962	10.872	8.640	10.466
2	Thép cán các loại	tấn	8.400	2.199			
III	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	5,4	9,3	15,4	8,4	10,2
B	Tổng doanh thu	tỉ đ	141,7	217,7	344,4	349,5	473,1
I	Sản phẩm cơ khí	tỉ đ	70,2	208,2	194,1	239,9	342,3
1	Máy thủy các loại	cái	13	10	9	8	5
2	Hộp số các loại	tỉ đ	8,4	18,6	14,2	24,1	47,2
	* Số lượng hộp số	cái	11.619	23.915	13.230	20.156	38.988
3	Động cơ nhỏ các loại	cái	361	261	99	382	
4	Trục khuỷu xe máy	tỉ đ	32,9	76,2	97,6	139,3	202,5
5	Phụ tùng các loại	tỉ đ	26,8	38,1	81,3	75,0	92,3
II	Sản phẩm thép	tỉ đ	63,5	67,3	131,1	98,4	106,6
1	Thép thời 100x100	tấn	1.641	5.427	10.481	11.577	10.210
2	Thép cán các loại	tấn	8.176	2.661			
III	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	5,4	9,4	15,4	7,9	10,2
	(Tính bằng ngoại tệ)	tr.\$	0,34	0,58	0,95	0,46	0,54
C	Doanh thu liên doanh	tỉ đ			30,8	51,2	53,0

* Ghi chú: Trong giá trị tổng sản lượng và tổng doanh thu có sản phẩm khác và doanh thu khác không thuộc các loại sản phẩm, hàng hóa trong bảng (ví dụ, sản xuất trang bị công nghệ, bán phế liệu).

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh DISOCO 2006 - 2010)

Sản xuất thép vẫn được duy trì, nhưng năm 2008 hệ thống đúc dòng thép thổi 100x100 được đầu tư thay thế công nghệ đúc cũ. Tương tự như việc đầu tư máy cán tự động năm 1997, việc đầu tư đúc dòng là một đầu tư cần thiết để tăng cường hiệu quả sản xuất thép, nhưng không phải là đầu tư lâu dài mà chuẩn bị đến một thời điểm dừng sản xuất thép trong tương lai (sau khi đầu tư nhân lực của khu vực sản xuất thép giảm, tạo điều kiện dễ dàng cho việc chuyển đổi sản xuất sau này).

Giai đoạn này Công ty chú ý tìm kiếm các sản phẩm của công nghiệp phụ trợ thuộc lĩnh vực đúc, rèn tạo điều kiện phát triển sản phẩm trong tương lai.

Lao động của Công ty trong những năm 2006 - 2010 có xu hướng ổn định khi lao động cũ nghỉ hưu hoặc thôi việc, được bổ sung bằng một lực lượng lao động mới. Năng suất lao động tính theo doanh thu trên đầu người tăng mạnh, thu nhập bình quân đầu người cũng tăng đáng kể.

Bảng 2.12. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 2006 - 2010

Lao động	2006	2007	2008	2009	2010
Tổng số (người)	1.010	1.014	1.071	1.030	1.087
- Khối xưởng	825	810	864	832	905
- Khối phòng	185	204	207	198	182
<i>Lương b/quân (tr.đ)</i>	<i>1,33</i>	<i>1,72</i>	<i>2,45</i>	<i>2,99</i>	<i>3,44</i>

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động thực tế tại Công ty giai đoạn 2006 - 2010)

Trong 5 năm (2006 - 2010), những kết quả định hướng đầu tư và sản phẩm của giai đoạn trước tiếp tục được phát huy. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty được nâng cao. Ngoài ra, Công ty còn được bổ sung nguồn thu nhập tài chính từ lãi liên doanh, tạo điều kiện cho Công ty có thêm nguồn vốn để đầu tư phát triển. Cuối năm 2008, xảy ra hiện tượng sốt giá dẫn đến nguy cơ khủng hoảng tài chính. Năm 2009, Chính phủ phải thi hành nhiều biện pháp kiểm chế lạm phát, thắt chặt tiền tệ, dẫn đến nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn khi lãi suất vay được đẩy lên rất cao. Trong bối cảnh khó khăn đó, Công ty vẫn đứng vững và phát triển.

Từ năm 2011 trở đi, môi trường pháp lí của doanh nghiệp khá ổn định. Để tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hoạt động, ngày 26/11/2014, Quốc hội (khóa XIII) ban hành *Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13* có hiệu lực từ ngày 1/7/2015, thay thế *Luật Doanh nghiệp năm 2005*.

Theo quy định của *Luật Doanh nghiệp năm 2015*, tổng công ty là nhóm công ty có mối quan hệ với nhau thông qua sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc liên kết khác. Tổng công ty không phải là một loại hình doanh nghiệp, không có tư cách pháp nhân. Tổng công ty có công ty mẹ, công ty con và các công ty thành viên khác. Công ty mẹ, công ty con và mỗi công ty thành viên trong tổng công ty có quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp độc lập theo quy định của pháp luật. DISOCO là Công ty con do Công ty mẹ Tổng công ty VEAM sở hữu 100% vốn.

Từ năm 2011 đến năm 2016, nhiều doanh nghiệp trong VEAM đã chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi của DISOCO gặp một số khó khăn, do những vướng mắc về nguồn vốn đầu tư liên doanh cũng như những vấn đề của dự án vay ODA (từ năm 1993). Ngày 1/7/2014, theo quyết định của Bộ Công Thương, VEAM thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. DISOCO được thực hiện cổ phần hóa cùng Công ty mẹ. Cũng từ năm 2011, DISOCO dừng hẳn việc sản xuất thép và định hình cơ cấu sản phẩm cơ khí ổn định, với những lĩnh vực đặc thù sau:

- Sản phẩm máy nông nghiệp là những loại hộp số (các loại hộp số phục vụ nuôi tôm thương hiệu DISOCO chiếm trên 80% thị phần trên thị trường), linh kiện động cơ, máy nông nghiệp với khách hàng là người tiêu dùng trực tiếp, hoặc các đơn vị sản xuất động cơ và máy nông nghiệp trong VEAM như SVEAM, TAMAC, Cơ khí Trần Hưng Đạo. Trong lĩnh vực sản xuất này, Công ty ưu tiên tập trung tìm cách giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm.

- Sản phẩm của công nghiệp phụ trợ đáp ứng cho các khách hàng trong nước cũng như xuất khẩu. Nhiều khách hàng truyền thống của Công ty là những nhà sản xuất tên tuổi trên thế giới, như TOSHIBA, MIKASA, NAKAGAWA, KYB,... Đây là lĩnh vực Công ty tập trung mở rộng thị trường và khách hàng, chuẩn bị đầu tư cho các mục tiêu phát triển lâu dài. Sản phẩm linh kiện ô tô là một hướng đi quan trọng khi thị trường ô tô bùng nổ trong tương lai, cũng như tham gia và chuỗi cung ứng toàn cầu.

- Sản phẩm cho xe máy chiếm một tỉ trọng đáng kể trong doanh thu. Đặc biệt từ năm 2012, Công ty đã đầu tư dây chuyền gia công bán tinh trực khuỷu. Tuy nhiên, lĩnh vực xe máy sẽ không có những tăng trưởng đáng kể trong tương lai. Ngoài các khách hàng truyền thống như Honda Việt Nam, Piaggio, Công ty còn có những khách hàng phục vụ thị trường nước ngoài.

Như vậy, có thể khẳng định: Trong những năm 2011 - 2016, Công ty Diesel Sông Công thực sự phát triển tới đỉnh cao, khi năng lực sản xuất được phát huy tối đa. Mặc dù trong giai đoạn này tiếp tục xảy ra tình trạng sốt giá, tiếp theo là nguy cơ lạm phát và chính sách thắt chặt tiền tệ (năm 2013) gây bất lợi đến nhiều doanh nghiệp, nhưng hoạt động của Công ty Diesel Sông Công vẫn đạt hiệu quả cao.

Khi đã phát triển đỉnh cao, năng lực sản xuất của Công ty đạt tới giới hạn của công suất thiết kế, đòi hỏi tiếp tục phải đầu tư phát triển. Sản xuất đúc của Công ty trở nên lạc hậu, không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng cả về sản lượng, chất lượng và giá thành. Sản xuất rèn ngoài các dây chuyền trực khuỷu xe máy, các thiết bị khác đã hoạt động lâu năm, không còn khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng.

Tính trung bình trong thời gian 2011 - 2016, tổng doanh thu của Công ty chỉ tăng hơn 1% /năm. Tuy nhiên, phụ tùng lại tăng trưởng bình quân hơn 9% /năm, sản phẩm xuất khẩu tăng ~23% /năm (Bảng 2.13).

Sau một số năm gián đoạn, từ năm 2013, Công ty có thêm nguồn thu nhập tài chính từ lãi liên doanh, hỗ trợ cho Công ty có thêm nguồn vốn đầu tư phát triển.

Bảng 2.13. Kết quả sản xuất, tiêu thụ giai đoạn 2011 - 2016

TT	Chỉ tiêu	Đvt	2011	2012	2013	2014	2015	2016
A	Giá trị TSL	tỉ đ	548,9	512,9	548,4	596,8	586,0	607,1
I	Sản xuất cơ khí	tỉ đ	488,1	492,1	508,5	528,1	514,8	518,6
1	Hộp số các loại	cái	68.216	45.240	52.346	78.484	39.043	25.255
2	Trục khuỷu xe máy	tr. cái	4,30	4,24	4,23	4,20	4,75	5,00
3	Phụ tùng các loại	tỉ đ	125,6	127,0	132,1	161,9	184,2	197,7
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	22,8	19,2	18,1	53,4	58,1	64,5
III	Sản xuất thép	tỉ đ	33,6					
1	Thép thời 100x100	tấn	2.894					
B	Tổng doanh thu	tỉ đ	585,3	522,3	557,2	605,8	591,7	620,2
I	Sản phẩm cơ khí	tỉ đ	492,4	481,6	510,5	534,9	521,2	531,0
1	Hộp số các loại	tỉ đ	86,3	57,8	79,5	105,0	50,4	49,4
	* Số lượng	cái	62.836	40.972	59.624	70.529	34.209	34.334
2	Trục khuỷu xe máy	tỉ đ	280,5	296,8	299,0	268,0	286,6	284,0
3	Phụ tùng các loại	tỉ đ	125,6	127,0	132,1	161,9	184,2	197,7
II	Hàng xuất khẩu	tỉ đ	22,8	19,2	18,1	53,4	58,1	64,5
	(Tính bằng ngoại tệ)	tr.\$	1,11	0,92	0,86	2,53	2,65	2,85
III	Sản phẩm thép	tỉ đ	62,3					
1	Thép thời 100x100	tấn	4.816					
C	D/thu liên doanh	tỉ đ			4,7	50,1	133,9	116,6

* Ghi chú: Trong giá trị tổng sản lượng và tổng doanh thu có sản phẩm khác và doanh thu khác không thuộc các loại sản phẩm, hàng hóa trong bảng (ví dụ, sản xuất trang bị công nghệ, bán phế liệu).

(Nguồn: Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh DISOCO 2011 - 2016)

Lao động của Công ty giai đoạn 2011 - 2016 có sự thay đổi đáng kể. Lực lượng lao động ở các xưởng hầu như được thay thế bằng lao động mới. Lao động tại các phòng, ban cũng được bổ sung thay thế trong nhiều năm.

Với những dây chuyền thiết bị năng suất cao, số lượng lao động cũng giảm nhanh chóng. Năng suất lao động tính theo doanh thu trên đầu người tăng, thu nhập bình quân đầu người tăng đáng ở mức hơn 9% /năm (Bảng 2.14).

Bảng 2.14. Lao động thực tế DISOCO giai đoạn 2011 - 2016

Lao động	2011	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng số (người)	1.047	1.050	1.043	995	930	909
- Khối xưởng	869	877	869	815	734	718
- Khối phòng	178	173	174	180	196	191
<i>Lương b/quân (tr.đ)</i>	<i>4,73</i>	<i>4,86</i>	<i>5,71</i>	<i>6,43</i>	<i>6,47</i>	<i>7,33</i>

(Nguồn: Số liệu thống kê lao động thực tế tại Công ty giai đoạn 2011 - 2016)

2.5. Vai trò của tổ chức Đảng và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty Diesel Sông Công.

Những kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 30 năm đổi mới, công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước (1986-2016) không tách rời vai trò của tổ chức Đảng và đoàn thể trong Công ty.

2.5.1. Vai trò của tổ chức Đảng

Từ khi thành lập cho đến nay, Đảng bộ Công ty luôn phát huy vai trò lãnh đạo đối với mọi mặt hoạt động của đơn vị. Đảng bộ luôn đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ Đảng, bám sát tình hình hoạt động của Công ty để lãnh đạo phát huy sức mạnh tập thể, kịp thời khắc phục những mặt hạn chế, yếu kém nhằm duy trì sản xuất, nâng cao năng suất, hạ giá thành sản phẩm, cải thiện đời sống người lao động.

Trong gần 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đảng bộ không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng. Đến năm 2016, Đảng bộ Công ty có 221 đảng viên, sinh hoạt tại 19 chi bộ được tổ chức ở hầu khắp trong các phòng ban, phân xưởng. Hầu hết đảng viên đều phát huy được tính tiên phong gương mẫu trong công việc, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Đảng bộ luôn coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên; thực hiện hiệu quả việc phê bình và tự phê bình. Nhờ đó năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ không ngừng được nâng cao. Trong nhiều năm liền, Đảng bộ DISOCO được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh.

2.5.2. Vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội

Công đoàn DISOCO là tổ chức đoàn thể có lực lượng hùng hậu nhất với sự tham gia của 100% cán bộ, công nhân, viên chức. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Công ty, tổ chức Công đoàn đã chủ động xây dựng chương trình hành động cụ thể đến tận các công đoàn viên.

Nhận thức rõ chức năng bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, Công đoàn thường xuyên tổ chức sinh hoạt theo các chuyên đề liên quan trực tiếp đến đời sống người lao động. Trong đó, vấn đề bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh lao động được đặc biệt chú trọng; thực hiện phương châm *Đẩy mạnh sản xuất gắn liền với bảo đảm an toàn và bảo vệ môi trường* hướng tới mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Công đoàn thường xuyên quan tâm chăm lo đến đời sống người lao động cả về vật chất và tinh thần; kịp thời động viên những gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Hằng năm, Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho công nhân, tổ chức các chuyến tham quan, nghỉ mát, học tập; thường xuyên duy trì các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. Công đoàn còn đề xuất với Ban Giám đốc tiếp nhận con của cán bộ, công nhân đã tốt nghiệp các trường chuyên nghiệp vào làm việc trong Công ty.

Tại các phân xưởng sản xuất, các mục tiêu về chất lượng, về an toàn lao động vệ sinh môi trường được phổ biến ở những nơi dễ thấy, dễ nhìn để người lao động thực hiện. Khẩu hiệu được Công ty đưa ra là *“Sản xuất an toàn, khách hàng tin cậy, chất lượng đảm bảo, năng suất tối đa và chi phí tối thiểu”*.

Ngoài ra, Công đoàn luôn phát động hưởng ứng tích cực các hoạt động 5S của Công ty. Việc duy trì 5S nhằm đảm bảo an toàn, năng suất cao và tinh thần tích cực tại nơi làm việc (*5S là hoạt động theo phương pháp của Nhật Bản. 5 chữ S bao gồm: Sàng lọc là phân loại và loại bỏ những cái không cần thiết tại nơi làm việc; Sắp xếp là tổ chức mọi thứ ngăn nắp và đúng chỗ để tiện sử dụng khi cần; Sạch sẽ là vệ sinh, quét dọn, lau chùi máy, thiết bị, dụng cụ... tại nơi làm việc; Săn sóc là đặt ra các tiêu chuẩn <tần suất> thực hiện 3S nói trên và duy trì thực hiện liên tục; Sẵn sàng là tạo thói quen tự giác, duy trì và*

tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại nơi làm việc để mọi thứ luôn sẵn sàng khi cần sử dụng).

Tuân thủ đúng quy định của pháp luật, DISOCO đã tổ chức một ban An toàn và Môi trường, định kỳ tổ chức kiểm tra về công tác an toàn lao động, công tác đảm bảo vệ sinh môi trường tại các đơn vị sản xuất. Qua kiểm tra, khi phát hiện bộ phận hoặc vị trí sản xuất nào vi phạm hay có nguy cơ tiềm ẩn gây mất an toàn lao động, vệ sinh môi trường đều được nhắc nhở, kiến nghị kịp thời, sau đó kiểm tra, khắc phục.

Tại mỗi phân xưởng, Công ty đều bố trí các thùng rác phân loại gồm rác thường và rác độc hại. Sau đó, rác, chất thải độc hại đều được thu gom và xử lý theo đúng quy định. Với kết quả duy trì vệ sinh môi trường, điều kiện làm việc của người lao động ngày càng được nâng cao với phương châm của Công ty là *“Vừa sản xuất vừa phải đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, đó là điều kiện tiên quyết để công nhân yên tâm làm việc, nâng cao hiệu quả sản xuất”*.

Các phong trào thi đua do Công đoàn phát động thường xuyên được duy trì, điển hình là các phong trào: *Thi đua lao động giỏi, Lao động sáng tạo, Thi đua phát huy sáng kiến, Thực hành tiết kiệm....*

Công đoàn cũng tăng cường phát động hưởng ứng các yêu cầu về tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nhiên liệu. Là đơn vị sử dụng năng lượng trọng điểm của tỉnh Thái Nguyên, Công ty đã tích cực cải tiến, thay thế máy móc, thiết bị hiện đại tiêu hao ít năng lượng, thực hiện hiệu quả việc tiết kiệm điện.

Công đoàn luôn đi đầu trong việc động viên, khuyến khích người lao động có những sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, đem lại hiệu quả thiết thực, giúp Công ty tiết kiệm năng lượng, vật tư. Trong đó, đáng chú ý là có những sáng kiến mang lại hiệu quả lâu dài và tích cực cho người lao động cũng như làm lợi cho Công ty, như sáng kiến tạo hệ thống phun sương tuần hoàn cục bộ có tác dụng làm mát và giảm bụi trong các phân xưởng sản xuất; thu và lọc lại dầu đã qua sử dụng để tái sử dụng; Mỗi năm Công ty có hàng trăm các sáng kiến cải tiến và phong trào kaizen rộng khắp đã góp phần làm lợi hàng tỉ đồng.

Các hoạt động của Công đoàn đã tạo nên sự gắn kết và gắn bó của người lao động đối với Công ty góp phần làm phong phú cuộc sống tinh thần và văn hóa doanh nghiệp trong Công ty.

Cùng với Công đoàn, Đoàn Thanh niên Nhà máy là một tổ chức chính trị hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ, tập hợp quy tụ lực lượng lao động trẻ tuổi, đảm bảo sự tiếp nối trong quá trình phát triển của Công ty. Các đoàn viên là lực lượng nòng cốt tiếp thu kỹ thuật công nghệ mới nhất, là lực lượng lao động luôn đạt được năng suất lao động cao nhất góp phần tạo nên sự thành công của Công ty.

Một ví dụ điển hình trong Công ty là Xưởng Rèn 2 được đầu tư dây chuyền thiết bị công nghệ hiện đại của Nhật Bản, 100% công nhân được tuyển dụng mới và đã khẳng định vai trò xung kích của tuổi trẻ, hơn 10 năm hoạt động đã cung cấp hơn 40 triệu sản phẩm và không có sản phẩm nào lỗi bị khách hàng phản hồi.

Bên cạnh vai trò tiên phong trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, các hoạt động khác như văn nghệ, thể dục thể thao, các phong trào: “*Thi đua, tình nguyện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc*”, “*Tháng Thanh niên*”; “*Tuổi trẻ sáng tạo*”; “*Thanh niên với chất lượng sản phẩm*”, v.v... cũng luôn được tổ chức Đoàn thanh niên phát động, hưởng ứng tích cực.

Qua các hoạt động của mình, Đoàn Thanh niên đã thể hiện là lực lượng tiếp nối tin cậy làm nên những thành công tiếp theo của Công ty trong những chặng đường phát triển mới.

Tiểu kết chương 2

30 năm thực hiện đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1986 - 2016) là quá trình Công ty Diesel Sông Công từng bước chuyển đổi mô hình và cơ chế quản lí, ngày càng phát triển vững chắc.

Quá trình phát triển của Công ty đã có những dấu mốc quan trọng trong từng giai đoạn cụ thể. Giai đoạn đổi mới mô hình 1986 - 1990, Công ty vừa đảm bảo hoàn thành việc xây dựng và vận hành công trình, vừa thực hiện sản xuất kinh doanh thích ứng với mô hình đổi mới. Giai đoạn đổi mới, đa dạng sản phẩm 1991 - 2000 là giai đoạn năng động tìm tòi hướng đi mới để có thể tồn tại và phát triển. Giai đoạn 2001 - 2005 là giai đoạn tìm hướng đi mới về sản phẩm, phù hợp với nhu cầu và tình hình phát triển của đất nước. Giai đoạn 2006 - 2016 là giai đoạn phát triển mạnh mẽ, đạt tới đỉnh cao, khi các hướng đi mới về sản phẩm đúng hướng đã thay đổi hoàn toàn Công ty, khai thác tối đa năng lực và không ngừng tìm tòi phát triển những sản phẩm mới, thực hiện những đầu tư mới.

Với những thành tích xuất sắc trong 30 năm thực hiện đổi mới, Công ty Diesel Sông Công đã liên tục nhận được Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ, của Bộ Công thương, danh hiệu “*Doanh nghiệp xuất sắc*” của Bộ Công thương; được Nhà nước tặng thưởng *Huân chương Lao động hạng Ba, hạng Nhì và hạng Nhất*.

Chương 3

VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

3.1. Đối với sự phát triển kinh tế của đất nước

Ngành Cơ khí Việt Nam bao gồm các chuyên ngành chính là: Chế tạo thiết bị toàn bộ, chế tạo máy công cụ, đóng tàu biển, chế tạo máy động lực và máy nông nghiệp, chế tạo ô tô, xe máy, chế tạo máy móc xây dựng, cơ khí phục vụ nông, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến, chế tạo thiết bị điện và vật liệu điện, chế tạo máy móc phục vụ công nghiệp nhẹ và cơ khí chế tạo các sản phẩm tiêu dùng.

Qua đó thấy rõ, ngành Cơ khí chế tạo máy có vị trí đặc biệt quan trọng, vừa là nền tảng, vừa là động lực cho các ngành công nghiệp khác phát triển. Ngành Cơ khí có nhiệm vụ cung cấp toàn bộ những trang thiết bị cho các ngành công nghiệp chế biến nông sản, giao thông vận tải và các trang thiết bị cho bảo vệ an ninh quốc phòng.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX (4/2001) đã xác định *“Phát huy sức mạnh toàn dân, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Đến năm 2010, phải vượt qua được tình trạng nước nghèo và kém phát triển, xây dựng nền tảng đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại”* [32]. Để thực hiện mục tiêu đó, việc phát triển ngành Công nghiệp cơ khí đóng vai trò chính yếu, quyết định đối với sự phát triển kinh tế của đất nước.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của ngành Cơ khí, ngày 26/12/2002, Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã ra Quyết định số 186/2002/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển ngành Cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới 2020. Những quan điểm phát triển ngành Cơ khí Việt Nam được xác định rõ ràng, cụ thể là:

- Cơ khí là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, củng cố an ninh quốc phòng của đất nước.

- Tập trung phát triển ngành cơ khí có hiệu quả, bền vững trên cơ sở phát huy mọi nguồn lực trong nước kết hợp với nguồn lực bên ngoài. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành cơ khí một cách có tổ chức, phân công và hợp tác hợp lý, đồng thời tiếp tục đổi mới, sắp xếp phát triển và củng cố doanh nghiệp nhà nước về cơ khí đủ mạnh để giữ vai trò nòng cốt, là lực lượng chủ lực của ngành.

- Tập trung phát triển một số chuyên ngành, sản phẩm cơ khí trọng điểm nhằm khai thác, phát huy tốt nhất tiềm năng (tài nguyên, nguồn nhân lực) để đáp ứng các yêu cầu cơ bản của công cuộc phát triển đất nước.

- Tăng cường năng lực tự nghiên cứu, chế tạo, đồng thời đẩy mạnh việc tiếp thu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến nhằm đạt trình độ công nghệ trung bình tiên tiến của châu Á, tạo thêm nhiều sản phẩm cơ khí có khả năng cạnh tranh cao.

- Nâng cao khả năng chuyên môn hóa và hợp tác hóa, nâng cao năng lực của ngành cơ khí, tạo tiền đề phát triển các ngành công nghiệp khác của đất nước [59].

Các quan điểm chủ trương của Đảng đã tạo động lực mạnh mẽ cho toàn ngành cơ khí nói chung và Nhà máy Diesel Sông Công (nay là Công ty Diesel Sông Công) nói riêng. Ngành Công nghiệp cơ khí phải là then chốt trong sự nghiệp công nghiệp hóa. Ngay cả sau này, khi những mục tiêu ưu tiên trong đường lối phát triển kinh tế đất nước cần phải điều chỉnh cho phù hợp với từng thời kì và phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, thì ngành Cơ khí vẫn luôn đóng góp quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của đất nước.

Trải qua một quá trình gần 40 năm phát triển và trưởng thành, Công ty Diesel Sông Công đã không ngừng đổi mới cả về kĩ thuật và quản lí, xác định đúng mục tiêu và vai trò trong ngành chế tạo máy nói chung và vai trò trong hoạt động của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp nói riêng. Những thành tựu đạt được trong gần 40 năm, đặc biệt là trong 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, đã đưa Công ty từng bước đứng vững trong cơ chế thị trường và có những đóng góp to lớn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Gần 40 năm hoạt động của Công ty là quá trình liên tục phát

triển, linh hoạt trong xác định sản phẩm qua từng thời kì, không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn cho xuất khẩu.

Ngay trong giai đoạn mới thành lập và tiếp tục hoàn thiện quá trình xây lắp (1980 - 1986), DISOCO đã cung cấp những sản phẩm động cơ nhiều xi lanh đầu tiên từ những linh kiện ban đầu còn phải nhập khẩu. Những máy kéo đang chạy trên đồng ruộng ở cả hai miền đất nước rất cần những động cơ thay thế để có thể tiếp tục hoạt động. Hàng trăm động cơ nhập ngoại trước kia bị hư hỏng cần phụ tùng thay thế và đại tu đã được hồi sinh nhờ những linh kiện sản xuất trong nước, ngay tại DISOCO. Cũng ngay trong giai đoạn thiết bị mới được lắp đặt ở một số xưởng và công đoạn sản xuất, những sản phẩm cơ khí cần thiết cho nhu cầu dân sinh đã được các cán bộ, công nhân Công ty nghiên cứu chế tạo, sản xuất.

Từ năm 1986, khi đất nước bước vào giai đoạn đổi mới cũng là thời điểm DISOCO đang hoàn thành công trình, tiến hành chế thử và sản xuất đồng bộ. Cho đến năm 1990, khi các hợp tác xã nông nghiệp đang trong quá trình chuyển đổi từ sản xuất tập trung sang khoán hộ, thì hàng ngàn động cơ D50L đã được chế tạo và đưa vào sử dụng, góp phần đáng kể trong cơ giới hóa nông nghiệp.

Bên cạnh nhu cầu động cơ cho máy kéo, Công ty đã chủ động sáng tạo thực hiện “thủy hóa” động cơ. Từ loại động cơ chỉ sử dụng cho các phương tiện trên cạn, động cơ đã được thay thế các-te dầu, thay đổi hệ thống làm mát, chế tạo hộp số thủy ma sát khô, lắp ghép với chân vịt để có thể làm việc với các phương tiện vận tải đường sông. Mỗi năm, hàng trăm tàu thuyền vận tải có sức chở tới 200T đã được lắp đặt động cơ thủy mang thương hiệu DISOCO. Nhiều tàu du lịch tại Khu Du lịch Hồ Núi Cốc (Thái Nguyên), tàu nhà hàng nổi Hồ Tây (Hà Nội) cũng sử dụng động cơ thủy DISOCO. Việc thủy hóa động cơ đã giúp cho việc tiêu thụ có thêm thị trường trong khi nhu cầu động cơ cho các máy kéo giảm dần.

Trong khi đất nước còn nghèo, các loại ô tô vận tải được trang bị nhiều năm trước đó đã được thay thế động cơ xăng tiêu hao nhiên liệu lớn bằng động cơ diesel của DISOCO. Việc tiết kiệm nhiên liệu đã đủ bù đắp chi phí mua

động cơ chỉ trong khoảng 2 năm hoạt động. Hàng loạt ô tô ZIL của các đơn vị quân đội, của Nhà máy đường Lam Sơn (Thanh Hóa) và hàng loạt các xe của nhiều nhà máy, đơn vị khác đã được thay thế bằng động cơ diesel DISOCO, vừa tiết kiệm được nhiên liệu, vừa thuận lợi trong việc tháo lắp khi cần phải đại tu, sửa chữa thay thế.

Từ năm 1990 trở đi, việc sản xuất kinh doanh càng ngày càng phải tiệm cận các quy luật của kinh tế thị trường, sản phẩm làm ra phải gắn với nhu cầu thị trường. Làm thế nào để có thể khai thác được năng lực chế tạo rất lớn đã được đầu tư là một yêu cầu đòi hỏi sự năng động sáng tạo của DISOCO. Các thiết bị đúc lớn đã được phát huy để sản xuất thép xây dựng, mỗi năm đưa ra thị trường khoảng 10.000 tấn thép. Đáng chú ý là năng lực chế tạo của Công ty còn tự làm ra các thiết bị cán thép. Việc sản xuất thép xây dựng đã góp phần đáp ứng nhu cầu sản phẩm thép cán ngày một lớn khi đó. Sản xuất đúc còn tạo ra các sản phẩm đúc đặc biệt như neo 10T, xích đúc đường kính 64mm cho nhu cầu của Vietsopetro; các xi lanh động cơ đường kính từ 300 đến 500mm cho nhu cầu đại tu của các tàu thủy, nhà máy điện chạy diesel; bi đạn nghiền, tấm lót chịu mài mòn cho ngành xi măng. Sản phẩm của DISOCO đã góp phần không nhỏ đáp ứng những nhu cầu mà việc nhập ngoại hoàn toàn không dễ dàng hoặc giá thành đắt gấp rất nhiều lần. Những sản phẩm được chế tạo trong nước đã làm sống lại rất nhiều máy móc thiết bị của nhiều ngành kinh tế khác nhau. Có những sản phẩm từ sự sáng tạo của DISOCO đã được các công ty khác kế thừa và phát triển, như các sản phẩm cho ngành xi măng, xi lanh động cơ lớn...

Khi nhu cầu động cơ lớn giảm dần, thì nhu cầu động cơ nhỏ cho các máy móc phù hợp với các hộ gia đình phát triển. Hàng loạt động cơ 6hp, 8hp, 10,5hp, 13hp đã được DISOCO phát triển cung cấp cho thị trường trong nước và cả xuất khẩu (chủ yếu thị trường Indonesia). Song song với việc tự sản xuất động cơ, DISOCO còn đáp ứng hàng loạt linh kiện cho các nhà máy trong Tổng Công ty VEAM sản xuất động cơ, như Công ty Cơ khí Trần Hưng Đạo sản xuất động cơ D12, Công ty VINAPPRO sản xuất động cơ dòng TS kiểu Yanmar, Công ty VIKYNO sản xuất động cơ kiểu Kubota.

Ngoài linh kiện động cơ, DISOCO còn cung cấp linh kiện chế tạo các loại máy xay xát, bơm nước. Các sản phẩm phục vụ nông nghiệp đã đáp ứng

được nhu cầu cơ giới hóa nông nghiệp những năm 90, đặc biệt là ở thị trường phía Nam khi đồng ruộng rộng lớn và có thói quen canh tác sử dụng máy móc từ hàng chục năm trước.

Từ sau năm 2000, đất nước tiếp tục bước vào thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa - hiện đại hóa, nền kinh tế thị trường đã được vận hành ngày càng hiệu quả, nhu cầu sản phẩm cơ khí ngày càng đa dạng. Nắm bắt nhu cầu thị trường, DISOCO đã đưa ra hàng loạt sản phẩm hộp số phục vụ cho nuôi trồng thủy sản. Việc xuất khẩu thủy sản liên tục tăng mạnh, trong đó có sự đóng góp không nhỏ của sản phẩm cơ khí DISOCO.

Ngành xe máy ban đầu sử dụng chủ yếu các xe cũ nhập khẩu, rồi đến các xe mới nhập khẩu từ Thailand, tiếp theo là giai đoạn bùng nổ của xe Trung Quốc (giá rẻ, chất lượng thấp) nhập khẩu. Ngành xe máy trong nước đã từng bước được đầu tư chế tạo không thể thiếu các nhà sản xuất linh kiện trong chuỗi cung ứng của một mô hình sản xuất hiện đại. Với nền tảng năng lực công nghệ và khả năng quản lí, DISOCO đã đầu tư sản xuất loại linh kiện có yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng, đồng thời phải cạnh tranh về giá thành sản xuất, đó là trục khuỷu xe máy Honda. Từ sản lượng 500.000 xe/năm, đã tăng lên hơn 2.000.000 xe/năm, DISOCO vẫn luôn đáp ứng được với chất lượng cao nhất (từ năm 2006 đến năm 2016 không có sản phẩm lỗi nào). Ngoài sản phẩm trục khuỷu, DISOCO còn cung cấp hàng loạt bán thành phẩm các loại cho các đơn vị khác là các nhà cung cấp của Honda Việt Nam. Ngoài ra, hàng loạt sản phẩm của các xe máy Yamaha, Piaggio cũng được DISOCO đầu tư sản xuất và cung cấp với uy tín và thương hiệu nhà cung cấp được khẳng định.

Nền kinh tế của đất nước với sản xuất không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn phục vụ xuất khẩu. Sản phẩm của DISOCO là đa dạng các chủng loại và khách hàng, từ sản lượng vài trăm ngàn USD đã tăng lên hàng triệu USD xuất khẩu hằng năm. Từ những thị trường Đài Loan, Indonesia ban đầu, Công ty ngày càng tăng sản lượng tới các thị trường khó tính về chất lượng và cạnh tranh cao như USA, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, châu Âu. Nhiều khách hàng đã chuyển dịch mua hàng từ thị trường Trung Quốc sang Việt Nam. Việc xuất khẩu còn thực hiện tại chỗ khi cung cấp cho các khu chế xuất trong nước.

Những điều trình bày trên đây cho thấy, Công ty Diesel Sông Công có nhiều đóng góp rất to lớn đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, đặc biệt là trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Những đóng góp to lớn ấy đã khẳng định vị trí, vai trò quan trọng của Công ty Diesel Sông Công.

3.2. Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương

Là một trong những nhà máy cơ khí lớn nhất Đông Nam Á thời kì những năm 70 của thế kỉ trước, DISOCO nằm trên địa bàn thị trấn Mỏ Chè, sau đó là thị xã (nay là thành phố) Sông Công, đã có sự đóng góp không nhỏ cho sự phát triển của địa phương.

Từ sự ra đời công trình DISOCO cùng với các nhà máy có quy mô nhỏ hơn trước đó, như Nhà máy Phụ tùng Ô tô số 1, Nhà máy Y cụ 2 trong những năm 70, khi thị xã Sông Công chưa được thành lập, vùng đất này đã được Nhà nước lựa chọn xây dựng Khu Công nghiệp cơ khí Gò Đầm - khu công nghiệp cơ khí lớn nhất miền Bắc lúc bấy giờ. Các công trình hạ tầng như đường giao thông, trạm biến áp 110kV, nhà máy nước, khu tập thể nhà 4 tầng, trường học, bệnh viện... từng bước được đầu tư xây dựng.

Sự ra đời và phát triển của DISOCO đã góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của địa phương. Khu vực Bắc Phở Yên và Tây Nam huyện Đông Hỷ vốn là một vùng gò, đầm hoang vu, dân cư thưa thớt, dần dần đã trở thành một khu đô thị ngày càng sầm uất. Dáng dấp một trung tâm công nghiệp từng bước được hình thành.

Không chỉ góp phần làm thay đổi bộ mặt kinh tế - xã hội trong khu vực, trải qua gần 40 năm thành lập và phát triển, nhất là trong 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, DISOCO đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh đối với tỉnh Thái Nguyên nói chung, thành phố Sông Công nói riêng. Hằng năm, Công ty tuyệt đối chấp hành các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước và địa phương. Công ty luôn thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế, như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT, thuế thu nhập cá nhân, đóng góp đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp... cho ngân sách Nhà nước với tổng số tiền mỗi năm lên đến hơn 16 tỉ

đồng [167]. Với kết quả đó, DISOCO được UBND tỉnh Thái Nguyên khen ngợi là một trong những doanh nghiệp có đóng góp ngân sách cao trong tỉnh.

Sự tồn tại và hoạt động của DISOCO trong 30 năm đổi mới đã góp phần ổn định tình hình xã hội trên địa bàn thành phố Sông Công cũng như tỉnh Thái Nguyên. Vai trò đó được thể hiện trên các lĩnh vực như sau:

- Cùng với việc ổn định sản xuất, Công ty luôn đảm bảo việc làm cho gần 1.000 lao động với mức lương bình quân khoảng 9 triệu đồng/người/tháng [16]. Hằng năm, Công ty tổ chức nhiều đoàn cán bộ và người lao động đi tham quan, nghỉ mát ở trong nước cũng như nước ngoài, khám sức khỏe định kỳ cho 100% người lao động. Công ty chú ý đầu tư cơ sở hạ tầng cho luyện tập thể thao, thường xuyên tổ chức các giải thi đấu nội bộ và các giải giao lưu với đơn vị bạn. Công ty còn hỗ trợ tổ chức lễ cưới hỏi theo nếp sống mới cho người lao động trong Công ty.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ luôn được duy trì và thực hiện thường xuyên, trở thành phong trào sâu rộng trong toàn thể cán bộ, người lao động trong Công ty. Công ty thực hiện tốt việc huấn luyện và tập huấn về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Người lao động được cấp phát kịp thời đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động; tích cực đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường *Xanh - Sạch - Đẹp*. Với phương châm: *Bảo vệ môi trường, đảm bảo chất lượng quyết định sự tồn tại và phát triển của Công ty*, Công ty đã đưa ra 5 điều cam kết: 1- Trong các hoạt động luôn tuân thủ *Luật Môi trường* nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ môi trường sống; 2- Đảm bảo sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp luôn đáp ứng nhu cầu khách hàng; 3- Đảm bảo điều kiện làm việc tốt cho người lao động, thường xuyên đào tạo người lao động để nâng cao chất lượng và ý thức bảo vệ môi trường; 4- Không ngừng áp dụng công nghệ tiên tiến và liên tục Kaizen đối với mục tiêu nâng cao chất lượng và bảo vệ môi trường; 5- Công bố rộng rãi chính xác chất lượng và môi trường của Công ty.

Vì vậy, hằng năm, Công ty được Trung tâm quan trắc và Công nghệ Môi trường kiểm tra đánh giá và kết luận: *“Môi trường lao động đạt tiêu chuẩn, không gây ô nhiễm môi trường”*.

- DISOCO là một trong những đơn vị dẫn đầu Tổng Công ty VEAM về việc bồi dưỡng, đào tạo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho người lao động, đặc biệt thường xuyên tuyên truyền cho người lao động nhận thức được “*các hoạt động đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của Công ty*”. Vì vậy, Công ty luôn duy trì áp dụng, thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý như: Thực hiện và duy trì 5S; Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 (từ năm 2002); Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

DISOCO là đơn vị đầu tiên của tỉnh Thái Nguyên áp dụng hệ thống quản lý năng lượng phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 50001:2011 (từ năm 2012). Việc áp dụng tiêu chuẩn này là công cụ hữu hiệu theo dõi, đánh giá, tuân thủ các quy định pháp lệnh về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, góp phần tích cực nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, góp phần bảo vệ môi trường, chia sẻ sự thiếu hụt năng lượng đối với cộng đồng xã hội, đồng thời cũng thỏa mãn được yêu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.

- DISOCO luôn giữ vững mối quan hệ hợp tác và xây dựng đối với các đơn vị bạn, các cấp, các ngành và đoàn thể địa phương. Đối với các phong trào của địa phương, Công ty đều tích cực tham gia. Mỗi năm, DISOCO đóng góp vào các quỹ của địa phương (*Quỹ xóa đói giảm nghèo, Quỹ vì phụ nữ nghèo vượt khó, Quỹ chất độc màu da cam, Quỹ khuyến học*, ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai, lũ lụt...), với tổng số tiền lên đến hơn 200 triệu đồng; đồng thời nhận phụng dưỡng suốt đời một Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Những hoạt động này của DISOCO đã góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm trong mỗi công nhân, viên chức trong Công ty. Đó là tinh thần tương thân tương ái, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong khó khăn hoạn nạn. Thông qua những hoạt động này, DISOCO đã góp phần không nhỏ vào công tác an sinh xã hội trên địa bàn phường Lương Châu, thành phố Sông Công nói riêng và tỉnh Thái Nguyên nói chung.

** Đánh giá vai trò của Công ty Diesel Sông Công đối với sự phát triển kinh tế- xã hội của địa phương.*

Trải qua gần 40 năm xây dựng và trưởng thành, với những kết quả mà Công ty Diesel Sông Công đạt được, đã đóng vai trò vô cùng quan trọng vào sự phát triển kinh tế- xã hội của thành phố Sông Công.

+Góp phần đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, sản xuất hàng hóa dịch vụ nhờ đó tăng cao tạo ra hiệu ứng lan tỏa kích thích mạnh tới tăng trưởng kinh tế của địa phương.

+ Đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH-HĐH .

+ Sông Công dần trở thành một khu vực tập trung đông dân cư, khoa học, văn hóa, thông tin. Các điều kiện như kết cấu hạ tầng, nhà ở, các dịch vụ phục vụ cho sản xuất và đời sống dân cư được đáp ứng. Hệ thống giao thông vận tải, năng lượng, bưu chính viễn thông và cấp thoát nước được cải tiến về quy mô và chất lượng.

+Trình độ khoa học kỹ thuật và công nghệ được nâng cao. Đô thị ngày càng áp dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật và kỹ năng quản lý tổ chức sản xuất hiện đại, làm tăng năng xuất lao động và chất lượng sản phẩm.

+Đời sống của người dân không ngừng được cải thiện. Tạo ra nhiều cơ hội việc làm cho người dân, góp phần quan trọng trong việc nâng cao thu nhập của họ, mức sống của người dân được nâng cao đáng kể, góp phần quan trọng vào việc xóa đói giảm nghèo.

+ Đem lại một số tiến bộ về mặt xã hội đó là sự phát triển của giáo dục, văn hóa...

Tuy nhiên, bên cạnh đó, nó cũng tạo ra những tác động tiêu cực ngoài ý muốn đó là:

+ Việc tăng cường khai thác nước phục vụ sinh hoạt, sản xuất, dịch vụ... làm suy thoái tài nguyên nước;

+ Làm ra tăng các chất thải rắn, lỏng, khí từ sinh hoạt và sản xuất, dịch vụ...gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường, mất cân bằng sinh thái;

+ Làm thay đổi các tập quán, lối sống, phương thức kiếm sống...làm cho sự phân hóa giàu nghèo diễn ra nhanh chóng, các tệ nạn xã hội như trộm cắp, mại dâm, nghiện hút...cũng ra tăng.

Tiểu kết chương 3

Trong gần 40 năm kể từ khi thành lập, đặc biệt là trong 30 năm thực hiện đường lối đổi mới (1986 - 2016), Công ty Diesel Sông Công luôn luôn giữ một vị trí - vai trò quan trọng đối với sự nghiệp phát triển của đất nước và địa phương. Điều đó được thể hiện ở những đóng góp to lớn của Công ty đối với sự nghiệp đổi mới và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Là một đơn vị nằm trên địa bàn thành phố Sông Công, những hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã tác động trực tiếp đến tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn, tạo công ăn việc làm trực tiếp cho hàng ngàn lao động các thế hệ. Đồng thời, sự phát triển của Công ty cùng với các công ty khác, góp phần cải tạo và nâng cao đời sống cho hàng ngàn hộ gia đình, thúc đẩy sự phát triển của thành phố Sông Công nói riêng, tỉnh Thái Nguyên nói chung. Công ty đã luôn khẳng định thương hiệu và sự vững vàng của mình trên con đường ngày càng phát triển./.

KẾT LUẬN

1. Sự ra đời của DISOCO xuất phát từ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Công nghiệp cơ khí là một ngành kinh tế có vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế bởi vì đây là một ngành công nghiệp sản xuất ra máy móc, thiết bị cung cấp cho toàn bộ các ngành kinh tế khác. Thực tế cho thấy, trên thế giới không có bất kì quốc gia nào thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà lại không có nền cơ khí mạnh. Sự phát triển của ngành Công nghiệp cơ khí vừa là nền tảng vừa là động lực cho tất cả các ngành nghề khác nhau trong xã hội. Nó có tác dụng tích cực đến ngành dịch vụ thông qua sự phát triển của mạng lưới phân phối, thu hút số lượng lao động trong xã hội, tham gia vào quá trình phân công lao động và hợp tác quốc tế. Nhận thức rõ điều này, ngay từ rất sớm, Đảng và Nhà nước đã quan tâm, đầu tư cho phát triển ngành Công nghiệp cơ khí.

Đầu những năm 70 của thế kỉ XX, xuất phát từ nhu cầu đẩy mạnh phát triển công nghiệp cơ khí, cơ khí hóa nông nghiệp và phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc phòng, một trung tâm công nghiệp cơ khí lớn đã từng bước được hình thành ở vùng Tây Nam huyện Đồng Hỷ và Bắc huyện Phổ Yên, dọc theo hữu ngạn và tả ngạn Sông Công, liền kề với Quốc lộ 3 và đường sắt Quán Triều - Đông Anh. Đó chính là khu công nghiệp cơ khí Gò Đầm - một trung tâm công nghiệp cơ khí lớn nhất miền Bắc lúc bấy giờ.

Tháng 2/1976, được sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô, Nhà máy Diesel Sông Công - nhà máy lớn nhất Đông Nam Á thời kì đó được khởi công xây dựng trên diện tích rộng 16 ha. Hàng ngàn kĩ sư và công nhân Việt Nam cùng các chuyên gia Liên Xô đã sát cánh bên nhau xây dựng, làm nên quy mô và sự bề thế của một khu công nghiệp mới. Năm 1988, Nhà máy sản xuất lô 500 động cơ D50L (55hp) đầu tiên. Đây là nguồn khích lệ, cổ vũ niềm tin của cán bộ, công nhân Nhà máy Diesel Sông Công tích cực, hăng hái đẩy mạnh sản xuất phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chính nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong những năm đầu tiên xây dựng CNXH đã đưa đến sự ra đời của Nhà máy Diesel Sông Công.

2. Sự ra đời và hoạt động của DISOCO là kết quả tình hữu nghị Việt Nam - Liên Xô

Tháng 1/1950, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Liên Xô. Trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, cũng như trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, Việt Nam luôn được Liên Xô giúp đỡ to lớn cả về vật chất lẫn tinh thần.

Năm 1976, được sự giúp đỡ của các chuyên gia Liên Xô, Nhà máy Diesel Sông Công chính thức được khởi công xây dựng. Đây là một công trình quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Với tinh thần tự lực cánh sinh, bằng chính sức mình, với quyết tâm phấn đấu vươn lên làm chủ thiết bị, làm chủ công trình, khiêm tốn học hỏi kinh nghiệm và được sự giúp đỡ tận tình của các chuyên gia Liên Xô, Nhà máy Diesel Sông Công được thành lập vào năm 1980 và đi vào hoạt động.

Trong những năm đầu hoạt động sản xuất, cán bộ, kỹ sư, công nhân Nhà máy Diesel Sông Công đã nhận được sự giúp đỡ đặc biệt của các chuyên gia Liên Xô về máy móc cũng như kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm sản xuất, làm chủ thiết bị. Nhờ vậy, trình độ và năng lực chuyên môn nghiệp vụ cũng như tay nghề của cán bộ, công nhân không ngừng được nâng lên. Đây chính là một trong những nhân tố quyết định cho sự phát triển sau này của Nhà máy.

Sự ra đời và phát triển của Nhà máy Diesel Sông Công là công trình đánh dấu tình hữu nghị hai nước Việt Nam - Liên Xô.

3. Công ty Diesel Sông Công đã và đang đáp ứng một phần quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

Công ty Diesel Sông Công là một trong những đơn vị dẫn đầu Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế - xã hội, đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành công nghiệp và đất nước.

Kể từ ngày đầu thành lập cho đến nay, thời gian trôi qua đã gần 40 năm. Trong thời gian ấy, Công ty Diesel Sông Công đã vượt qua nhiều khó khăn,

thách thức, từng bước phát triển đi lên. Đó cũng là chặng đường mà Công ty phấn đấu và cống hiến, giành được những thành tích to lớn trên nhiều mặt.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới đất nước của Đảng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Nhà máy Diesel Sông Công đã nhanh chóng nắm bắt thời cơ thuận lợi để vững bước phát triển. Trong những năm cuối thập niên 80, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, mọi cơ chế đều thông thoáng hơn nhưng sức ép cũng ngày một lớn. Xác định kinh tế thị trường chính là nơi tạo ra bản lĩnh, tầm nhìn và khát vọng vươn lên, toàn bộ các thành viên Công ty từ Ban Lãnh đạo đến người lao động đã cùng nhau vững bước tiến vào thời kỳ đổi mới với sự năng động và tự tin. Chấp nhận cạnh tranh, Công ty đã nhanh chóng tiếp nhận nhu cầu thị trường, khai thác nguồn lực nội tại, đa dạng các sản phẩm, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất, cải tiến và nâng cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh hợp tác với các đối tác của Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam, với các đối tác nước ngoài... Nhờ vậy, Công ty đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách của nền kinh tế thị trường, vững vàng phát triển. Năm 2004, Công ty chuyển đổi và mang tên gọi chính thức là Công ty TNHH nhà nước một thành viên Diesel Sông Công. Đây cũng là thời điểm đánh dấu thời kỳ hội nhập sâu rộng của nền kinh tế cả nước.

Hiện nay, các sản phẩm mang thương hiệu DISOCO đã có mặt khắp nơi trong cả nước và xuất khẩu sang thị trường các nước Mỹ, Canada, Nhật Bản, Hàn Quốc, Belarus...

30 năm thực hiện đường lối đổi mới của DISOCO là một chặng đường đầy gian nan thử thách, nhưng cũng đầy tự hào. Tuy có những lúc gặp khó khăn gay gắt, song trong bất kỳ hoàn cảnh nào, tập thể Công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, sáng tạo, quyết tâm tìm giải pháp để vượt qua. Tất cả những điều đó đã nói lên tinh thần trách nhiệm của Công ty đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, góp phần vào những thành tựu chung của đất nước thời kỳ đổi mới.

4. Những thành tựu đạt được của DISOCO trong 30 năm (1986 - 2016) đã khẳng định đường lối đổi mới do Đảng đề ra là đúng đắn; đồng thời phản ánh sự vận dụng sáng tạo của Đảng ủy và Ban Giám đốc Công ty trong quá trình lãnh đạo thực hiện đường lối đổi mới.

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, DISOCO đã có nhiều thay đổi. Điều kiện sinh hoạt, làm việc của người lao động được cải thiện hơn trước; tốc độ sản xuất, kinh doanh trong những năm gần đây có sự tăng trưởng mạnh mẽ. Trình độ, năng lực của người quản lí và người lao động được nâng lên phù hợp với những yêu cầu mới. Đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và người lao động ngày càng được nâng lên... Tất cả những thành tựu đạt được không những củng cố lòng tin vào định hướng phát triển XHCN, mà còn tạo ra động lực phát triển mạnh mẽ trong những năm tiếp theo.

Có được những thành tích trên là do nhiều yếu tố, trong đó có vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy và Ban Giám đốc Công ty. Quán triệt sâu sắc đường lối đổi mới của Đảng, Đảng ủy và Ban Giám đốc quyết tâm đổi mới cách nghĩ, cách làm; đổi mới cải tiến sinh hoạt Đảng; đổi mới phong cách, phương pháp lãnh đạo; thường xuyên đi sâu, đi sát, kiểm tra, đôn đốc cơ sở; kiên trì giữ vững nguyên tắc, kỉ cương, kịp thời uốn nắn thiếu sót, sai lệch phát sinh. Vì thế, Đảng bộ DISOCO liên tục được công nhận là Đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Phát huy truyền thống hơn 30 năm xây dựng và trưởng thành, DISOCO tiếp tục huy động tối đa nguồn lực đó là nhân lực, trí lực, vật lực kết hợp với đầu tư công nghệ thiết bị hiện đại sản xuất ra nguồn sản phẩm được khách hàng trong và ngoài nước chấp nhận tin dùng, đưa DISOCO phát triển bền vững cùng đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (1997), *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XV*.
2. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2002) *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVI*.
3. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2003), *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên, tập II (1965 - 2000)*.
4. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên (2005) *Văn kiện đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên lần thứ XVII*.
5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thái Nguyên (2016) *Từ điển Thái Nguyên*, Nxb Văn học, Hà Nội
6. Báo Công luận (2011), *DISOCO - thương hiệu mạnh của công nghiệp hỗ trợ Việt Nam*.
7. Bộ Công thương (2008), *Quy hoạch phát triển công nghiệp sản xuất máy động lực và máy nông nghiệp giai đoạn 2006-2015, có xét đến năm 2020*.
8. Bộ Cơ khí luyện kim (1995), *Công nghiệp nặng 50 năm xây và phát triển*, Nxb Khoa học kỹ thuật - Hà Nội.
9. Chỉ thị số 09/2004/CT-BCN ngày 31/3/2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, *Yêu cầu đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần NQTW3, NQTW9 (Khóa IX) của Đảng và tổ chức thực hiện Luật doanh nghiệp nhà nước*.
10. Công ty Cổ phần thông tin Kinh tế đối ngoại (2005), *Thái Nguyên thế và lực trong thế kỷ XXI*, Nxb Chính trị quốc gia - Hà Nội 2005.
11. Công ty Diesel Sông Công (1996) *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 1996-2000*.
12. Công ty Diesel Sông Công (1997), *Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 1997 và phương hướng phát triển năm 1998* tại Hội nghị công nhân, viên chức năm 1997.
13. Công ty Diesel Sông Công (2003) *Báo cáo tổng kết các mặt công tác năm 2003, phương hướng công tác năm 2004*.
14. Công ty Diesel Sông Công (2005) *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2001-2005*.

15. Công ty Diesel Sông Công (2010) *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2006-2010.*
16. Công ty Diesel Sông Công (2016) *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2011-2016.*
17. Công ty Diesel Sông Công (2016), *Báo cáo thành tích tập thể đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt nam tặng Cờ thi đua thành tích hoạt động Công đoàn năm 2016.*
18. Công ty Diesel Sông Công (2005) *Báo cáo tổng kết 2005, mục tiêu kế hoạch 2006.*
19. Công ty Diesel Sông Công (2008) *Báo cáo Đại hội công nhân viên chức 2008.*
20. Công ty Diesel Sông Công (2009) *Báo cáo Đại hội công nhân viên chức 2009.*
21. Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công (2014) *Tờ trình đề nghị tặng “Huân chương lao động hạng nhất”.*
22. Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công (2015) *Báo cáo chính trị của BCH Đảng bộ Công ty Diesel Sông Công tại Đại hội Đảng bộ lần thứ XIII.*
23. Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công (2015) *Báo cáo thành tích tập thể đề nghị Tổng liên đoàn lao động Việt Nam tặng cờ thi đua (hoặc bằng khen) thành tích hoạt động Công đoàn năm 2017.*
24. Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công (2016) *Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty Diesel Sông Công 2016 và phương hướng phát triển 2017.*
25. Công ty TNHH NN MTV Sông Công (2014) *Phương án tăng vốn điều lệ giai đoạn 2014-2020.*
26. Công ty TNHH NN MTV Sông Công (2014), *Quy định phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc 2014.*
27. Công ty TNHH NN MTV Sông Công (2014), *Sổ tay chất lượng và môi trường 2014.*
28. Đảng Cộng sản Việt Nam (1982), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật.
29. Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật.

30. Đảng Cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Sự thật.
31. Đảng Cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Sự thật.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam (1977), *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần IV*, Nxb Sự thật.
33. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Sự thật.
34. Đảng Cộng sản Việt Nam (2007), *Văn kiện Đảng toàn tập, tập 53 (6/1993 đến 12/1994)*, Nxb Chính trị Quốc gia.
35. Đảng ủy Công ty Diesel Sông Công (2008) *Báo cáo sơ kết giữa nhiệm kỳ thực hiện nghị quyết Đại hội X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp*.
36. Đảng ủy Công ty Diesel Sông Công (2009), *Báo cáo chương trình phát triển công nghiệp giai đoạn 2006-2010*.
37. Đảng ủy Công ty Diesel Sông Công (2009), *Báo cáo việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện NQTW3, NQTW9 (khóa IX) và NQĐH X về sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước*.
38. Đảng ủy Công ty Diesel Sông Công (2009), *Một số nội dung chỉ đạo công tác lãnh đạo 2009*.
39. Nguyễn Văn Linh (1987), *Đổi mới sâu sắc và toàn diện trên mọi lĩnh vực*, Nxb Sự thật.
40. Nguyễn Văn Linh (1991), *Đổi mới để tiến lên*, Nxb Sự thật.
41. Luật Công ty số 47-LCT/HĐNN8 và Luật doanh nghiệp tư nhân số 48LCT/HĐNN8 ngày 21/12/1990 của Quốc hội (Khóa VIII).
42. Luật doanh nghiệp số 13/1999/QH ngày 12/6/1999, Quốc hội (Khóa X).
43. Luật doanh nghiệp nhà nước số 39-L/CTN, ngày 20/4/1995, Quốc hội (Khóa XV).
44. Luật doanh nghiệp nhà nước số 14/2003/QH11, ngày 26/11/2003, Quốc hội (Khóa XI).
45. Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 Quốc hội (Khóa XI).
46. Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Quốc hội (Khóa XIII).

47. Luật Thuế giá trị gia tăng số 57/1997/L-CTN, ngày 10/5/1997, Quốc hội (Khóa IX).
48. Nghị định 63/2001/NĐ-CP, *Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH MTV.*
49. Nghị định số 50-HĐBT ngày 22/3/1988, ban hành Điều lệ Xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.
50. Nghị định số 93-CP, ngày 8/4/1977 của Hội đồng Chính phủ, ban hành *Điều lệ Xí nghiệp quốc doanh.*
51. Nhà máy Diesel Sông Công (1985), *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 1980-1985.*
52. Nhà máy Diesel Sông Công (1990), *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 1986-1990.*
53. Nhà máy Diesel Sông Công (1995), *Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 1991-1995.*
54. Đào Tuyết Nhung (2013), *Một số giải pháp hoàn thiện công tác quản trị nhân lực tại Công ty Diesel Sông Công, Luận văn Thạc sĩ.*
55. Nguyễn Trọng Phúc (2003), *Tìm hiểu lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam qua các Đại hội và Hội nghị Trung ương 1930 - 2002, Nxb Lao Động.*
56. Quyết định 112/TTg, ngày 10/4/1919 của Thủ tướng Chính phủ, *Phê duyệt nhiệm vụ thiết kế Nhà máy Sông Công chế tạo động cơ diesel.*
57. Quyết định 113/QĐ/HĐBT, ngày 11/4/1985 của Hội đồng Bộ trưởng, *Thành lập thị xã Sông Công.*
58. Quyết định 148/2004/QĐ-BCN, ngày 1/12/2004 của Bộ Công nghiệp *Chuyển đổi Công ty Diesel Sông Công thành Công ty TNHH NN MTV.*
59. Quyết định 186/2002/QĐ-TTg, ngày 26/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải về *Chiến lược phát triển ngành cơ khí Việt Nam đến năm 2010, tầm nhìn tới 2020.*
60. Sở Văn hoá Thông tin Thái Nguyên (2003), *Đất và người Thái Nguyên, Nxb Công ty in Thái Nguyên.*
61. Tạp chí Khoa học và công nghệ (1995), *Niềm tự hào và thách thức đều lớn, ngày 1/5/1995.*
62. Nguyễn Thị Thảo (2012), *Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên trong thời kì đổi mới 1986 - 2010, Luận văn Thạc sĩ.*

63. Tổng Công ty thép Việt Nam - Ban Dự án Thạch Khê (1999), *Chính sách phát triển công nghiệp thép - kinh nghiệm của Hàn Quốc và Nhật Bản*, Hà Nội.
64. Trần Thị Trang (2014), *Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tại Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công*, Luận văn Thạc sĩ.
65. Viện Nghiên cứu chính sách công nghiệp - Bộ Công nghiệp (2005), *Chiến lược và quy hoạch phát triển ngành thép giai đoạn 2006 - 2015, tầm nhìn đến năm 2025*, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Nhà máy Diesel Sông Công 25/4/1980

BỘ CƠ KHÍ VÀ LUYỆN KIM

-1-

Số : 118 QL/QĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập tự do hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 1980

BỘ TRƯỞNG BỘ CƠ KHÍ VÀ LUYỆN KIM

- Căn cứ vào nghị định số 406-QĐ ngày 12-11-1979 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ cơ khí và luyện kim.
- Căn cứ vào tình hình máy dựng và nhiệm vụ sản xuất của Nhà máy Sông Công chế tạo động cơ Diesel.
- Xét đề nghị của đồng chí Vụ trưởng Vụ tổ chức quản lý và cán bộ và Vụ trưởng Vụ kế hoạch - Thống kê.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1- Thành lập " Nhà máy Diesel Sông Công " trực thuộc Bộ cơ khí và luyện kim.

Nhà máy Diesel Sông Công là một đơn vị sản xuất kinh doanh hoạt động theo chế độ hạch toán kinh tế, có tư cách pháp nhân, được sự mở tài khoản ở Ngân hàng, được sử dụng vốn tạm riêng, để giao dịch với các cơ quan Nhà nước.

Điều 2- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Nhà máy Diesel Sông Công gồm có :

- Giám đốc
- Một số phó giám đốc

CÁC PHÒNG, NGHỊP VỤ VÀ KỸ THUẬT

- 1/ Phòng Kế hoạch - Tiền đề
- 2/ Phòng tổ chức đào tạo - bảo vệ
- 3/ Phòng Lao động tiền lương
- 4/ Phòng vật tư - vận tải
- 5/ Phòng kế toán - Thống kê - tài chính
- 6/ Phòng kỹ thuật sản xuất
- 7/ Phòng thiết kế và tiêu chuẩn
- 8/ Phòng cơ điện

- 9/ Phòng kiểm tra chất lượng sản phẩm (KQB)
- 10/ Phòng hạch toán
- 11/ Phòng quản trị đời sống

CÁC MÔN VI BAN XÂY

- 1/ Phân xưởng lắp ráp và thử động cơ
- 2/ Phân xưởng sửa chữa cơ khí
- 3/ Phân xưởng sửa chữa điện
- 4/ Phân xưởng thực nghiệm động cơ

- Đây là cơ cấu tổ chức trước đây của Nhà máy, sau 9 máy động cơ giám đốc Nhà máy có trách nhiệm căn cứ vào tình hình xây dựng và phát triển sản xuất để nghiên cứu đề nghị Bộ quyết định bổ sung cơ cấu hoặc chỉnh sửa Nhà máy.

Điều 2- Đồng chí trưởng BKT khu vực Cơ Đầm có trách nhiệm, b ban giám các hạng mục công trình đã hoàn thành, tài liệu, tài sản, toàn bộ sản phẩm DV và các công việc đang làm của bộ phận chuẩn bị sản xuất cho động cơ chỉ giám đốc Nhà máy Bidden sông Công quản lý.

Đồng chí giám đốc Nhà máy Bidden sông công có trách nhiệm:

- a) Tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị sản xuất cho đến khi nhà máy xây dựng xong
- b) Căn cứ vào nhiệm vụ sản xuất, sắp xếp bố trí các bộ công nhân viên cho các bộ phận nghiệp vụ, kỹ thuật và sản xuất để đưa nhà máy vào sản xuất, theo kế hoạch của Bộ và thực hiện những nhiệm vụ đã quy định trong điều lệ xí nghiệp công nghiệp quốc doanh.

Nhà máy Bidden sông công được ^{dùng} sử dụng vốn chuẩn bị sản xuất trong vốn KQB (thông qua tình hình nhận tiền của BKT) để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất theo kế hoạch của Bộ.

Điều 3- Các đồng chí Chánh văn Phòng, thủ trưởng các Vụ Giám đốc Nhà máy Bidden sông công và trưởng BKT khu vực Cơ Đầm chịu trách nhiệm thi hành quyết định này

BỘ TRƯỞNG BỘ CƠ KHÍ VÀ LUYỆN KIM
Đa XY/ Nguyễn Văn Kha

BỘ CƠ KHÍ VÀ LUYỆN KIM

BỘ Y BAN CHINH
Ngày 01 tháng 5 năm 1960



Bưu đông Tại

Phụ lục 2: Quyết định thành lập lại Nhà máy Diesel Sông Công 22/5/1993

8^c

BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG
Số: 286 QĐ/TCNSĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG
Về việc thành lập lại Nhà máy Diesel Sông Công

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

- Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Quy chế thành lập và giải thể doanh nghiệp Nhà nước ban hành kèm theo Nghị định số 388-HDBT ngày 20/11/1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ);
- Căn cứ Thông báo số 138/TB ngày 3/5/1993 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý cho phép thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập lại: NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG

Điều 2: NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG được phép:

1. Đặt trụ sở chính của Doanh nghiệp tại: Thị xã Sông Công, tỉnh Bắc Thái.
2. Vốn kinh doanh (Ngân sách cấp và tự bổ sung): 74 390,9 triệu đồng
3. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Công nghiệp sản xuất động cơ diesel, phụ tùng, luyện cán thép.

Điều 3: NHÀ MÁY DIESEL SÔNG CÔNG có nhiệm vụ:


1. Làm đầy đủ thủ tục để đăng ký kinh doanh và hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước.
2. Thực hiện đầy đủ nội dung trong đơn xin thành lập và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng, Chánh Thanh tra Bộ, Tổng Giám đốc Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp và Giám đốc Nhà máy diesel Sông Công căn cứ quyết định thi hành.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

Nơi nhận:

- Như điều 4,
- Văn phòng Hội đồng thẩm định DNNN,
- Trọng tài kinh tế Nhà nước.


Trần Lum

Phụ lục 3: Quyết định đổi tên thành Công ty Diesel Sông Công 20/2/1995

1995 02 20 4 260695

1995 02 20 8:57AM F01

BẢN SAO

BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126 QĐ/TCCNT

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 1995

Handwritten notes:
1. Quyết định
2. Về việc đổi tên
3. Nhà máy Diesel Sông Công
4. thành Công ty Diesel Sông Công

**QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG
Về việc đổi tên Nhà máy Diesel Sông Công thành
Công ty Diesel Sông Công**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG

- Căn cứ Nghị định số 17/CP, ngày 7/3/1994 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Công nghiệp nặng;

- Căn cứ Công văn số 192 UB/KHH ngày 19/1/1995 của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về việc đổi tên doanh nghiệp Nhà nước;

- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ - đào tạo và Tổng Giám đốc Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. - Nay đổi tên Nhà máy Diesel Sông Công thành Công ty Diesel Sông Công kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1995.

Điều 2. - Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Chánh Thanh tra Bộ, Tổng Giám đốc Tổng công ty máy động lực và máy nông nghiệp và Giám đốc Nhà máy Diesel Sông Công căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận

- Như Điều 2
- UBKHNN (để b/c)
- UBKH Bắc Bộ (để b/c)
- Sở CA Bắc Bộ (để khắc dấu mới)
- Lưu VP, Vụ Tổ chức cán bộ

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯƠNG LƯƠNG CHÁI

CHỨNG THỰC
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 21 tháng 6 năm 2001
QUYỀN: 07

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NẶNG
Handwritten signature: Trần Lam



CHỦ TỊCH
Handwritten signature: Nguyễn Văn Bằng

Phụ lục 4: Quyết định chuyển đổi thành Công ty TNHH nhà nước một thành viên Diesel Sông Công 01/12/2004

BỘ CÔNG NGHIỆP CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Số : 148 /2004/QĐ-BCN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Về việc chuyển Công ty Diesel Sông Công thành Công ty
trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

Căn cứ Nghị định số 55/2003/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 63/2001/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 125/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới Tổng công ty nhà nước và doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp giai đoạn 2003-2005;

Xét đề nghị của Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp (Công văn số 618/MDL-NN/ĐMDN ngày 15 tháng 11 năm 2004) và Hồ sơ chuyển đổi Công ty Diesel Sông Công thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Chuyển Công ty Diesel Sông Công, doanh nghiệp thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công.

Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công (gọi tắt là Công ty) có con dấu riêng, được mở tài khoản tại các Ngân hàng theo quy định của pháp luật, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công

ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp phê duyệt.

- Tên gọi đầy đủ : Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công

- Tên viết tắt : Công ty Diesel Sông Công;

- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh : Songcong Diesel Limited Company.

- Tên viết tắt tiếng Anh : Disoco. Ltd.

- Trụ sở chính đặt tại : phường Lương Châu, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Vốn điều lệ của Công ty : 351.387.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi một tỷ, ba trăm tám mươi bảy triệu đồng).

Điều 2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Thiết kế, chế tạo động cơ đốt trong, thiết bị công tác và phụ tùng phục vụ cho các ngành kinh tế quốc dân, luyện cán thép, thay thế tổng thành xe ô tô, xây dựng công nghiệp;

- Xuất nhập khẩu thiết bị, dụng cụ, phụ tùng;

- Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật .

Điều 3. Tổ chức và hoạt động của Công ty:

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

a) Chủ tịch Công ty;

b) Giám đốc Công ty và bộ máy giúp việc;

c) Các đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Tổ chức và hoạt động của Công ty được quy định cụ thể trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 4. Tổ chức được Nhà nước uỷ quyền là đại diện chủ sở hữu:

Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp.

Địa chỉ : Số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp có trách nhiệm thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 5. Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công có trách nhiệm tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản do Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp giao để thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh; kế thừa các quyền, lợi ích và những nghĩa vụ hợp pháp về tiền vốn, tài sản, lao động, đất đai của Công ty Diesel Sông Công.

Điều 6. Chủ tịch Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công có trách nhiệm xây dựng Điều lệ của Công ty trình Hội đồng quản trị Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp phê duyệt; bổ nhiệm Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp, Giám đốc Công ty Diesel Sông Công, Chủ tịch và Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên Diesel Sông Công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Thứ trưởng

Nơi nhận :

- Như Điều 7.
- VP Chính phủ.
- Các Bộ : Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công an, LĐTB&XH, Nội vụ, Tư pháp.
- Ngân hàng Nhà nước.
- Kho bạc Nhà nước TW.
- UBND Tỉnh Thái Nguyên.
- Bộ trưởng (để b/c).
- Các đồng chí Thứ trưởng.
- Ban Đối mới và PTDN Bộ.
- Công đoàn Công nghiệp Việt Nam.
- Cty Diesel Sông Công (3b).
- Công báo.
- Lưu VP, TCCB.



Đỗ Hữu Hòa

Phụ lục 5: Sản phẩm chính của DISOCO năm 2016



Hộp số thủy 9



Hộp đảo chiều 15



Hộp giảm tốc 15



Hộp số thủy 14



La Giang



Ghế ngồi máy cày



Cò mổ RV125



B Răng cam RV125



TOSHIBA



Honda



Bánh răng



CKNN



Các sản phẩm đúc



Nắp động cơ điện 794



Thân máy RV125



Tay máy khâu W3500P

Phụ lục 6: Catalogue giới thiệu DISOCO



CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

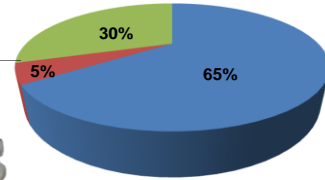
ISO 9001 : 2008
ISO14001: 2004
ISO50001: 2011

Khách hàng chính của Disoco

Nhóm khách hàng FDI (65%):
Honda VN, Ford VN, Piaggio VN, BJ Steel, Vitech, KYB, Mikasa, Sakurai...



Biểu đồ khách hàng của Disoco



Nhóm khách hàng xuất khẩu (5%):
Dorman (USA), CAB (USD), Kessler (German), Honda (Indonesia), Sankyo(Japan)...



Nhóm khách hàng trong nước (30%):



CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

ISO 9001 : 2008
ISO14001: 2004
ISO50001: 2011

Thiết kế sản phẩm



Đội ngũ kỹ sư chuyên nghiệp: 40 người





CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

ISO 9001 : 2008
ISO14001: 2004
ISO50001: 2011

Năng lực sản xuất khuôn, mẫu



Trung tâm gia công khuôn mẫu



Máy cắt dây



Phay khuôn



Xung



Khuôn rèn



Mẫu đúc



CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

ISO 9001 : 2008
ISO14001: 2004
ISO50001: 2011

Xưởng rèn 1



Máy cắt phôi



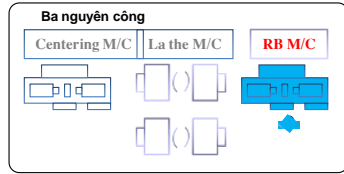
Lò điện



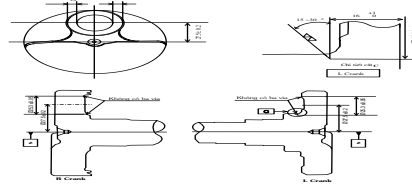
- Máy búa: 2 tấn, 10 tấn
- Máy búa thủy lực: 63kJ, 80kJ
- Máy đập: 160T, 250T, 1000T, 1600T
- Công suất (2 ca/ngày): 400 tấn/ tháng
(công suất sử dụng hiện tại 300 tấn/ tháng)
- Trọng lượng sản phẩm: 0,5 kg đến 25 kg



- 19/3/2012 thành lập Xưởng gia công trục khuỷu Honda.



Bản vẽ GC



Vật tư đúc



Gang thổi Brasil



Thép S9CK đóng bánh



Liệu cân sẵn theo mẻ/thùng.
Có Kanban đính kèm



Chất cầu hóa+ biến tính Foseco



Cát đúc đóng bao

- Sử dụng các loại vật tư có chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ.
- Liệu được chuẩn bị sẵn theo mẻ nhằm đảm bảo ổn định thành phần.

Dây chuyền đúc



Các máy làm khuôn



Lò trung tần



Hệ thống cấp cát và sào rót



Dây chuyền đúc



- Công suất: 600 tấn/tháng (khai thác: 400 tấn/tháng)
- Công nghệ làm khuôn: cát sét.
- Công nghệ làm thao: Shellcore, Ecolotec.
- Vật liệu FC & FCD
- Kích cỡ hòm khuôn: Max 900x600x250mm.
- Trọng lượng: 1 kg – 100kg



Các máy kiểm tra hỗn hợp



Máy phân tích CE



Máy làm thao Shell core



CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

ISO 9001 : 2008
ISO14001: 2004
ISO50001: 2011



Dây chuyền gia công khuỷu



Dây chuyền gia công thép nhỏ



Dây chuyền gia công biên



Dây chuyền gia công gang



CÔNG TY DIESEL SÔNG CÔNG

ISO 9001 : 2008
ISO14001: 2004
ISO50001: 2011

Nhiệt luyện



Lò thấm Carbon

Các thiết bị kiểm tra



Máy kiểm tra thành phần quang phổ ARL 3460 (Thụy Sĩ)



Máy đo độ cứng Mitutoyo (Nhật Bản)



Kính hiển vi điện tử Axiovert 40mat (Đức)



Máy cà biên dạng

Bao gói



CAB



Mikasa



Honda



Dorman



KYB



Sankei

Phụ lục 7: Một số hình ảnh qua các thời kì



Tổng Bí thư Đỗ Mười thăm Công ty năm 1997



Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Công ty 6/2/2002



Chủ tịch nước Trần Đức Lương thăm Công ty 10/3/2004



Đoàn chuyên gia Liên Xô và cán bộ Nhà máy



Lớp học quản lý chất lượng AOTS 1999